

SaigonBus®



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Địa chỉ: 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

www.saigonbus.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN



MỤC LỤC

| | | | |
|-----------|--------------------------------------|--------------------------------------|-----------|
| 1 | THÔNG TIN CHUNG | BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 59 |
| 19 | TỔ CHỨC NHÂN SỰ | BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | 65 |
| 35 | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM | QUẢN TRỊ CÔNG TY | 73 |
| 45 | BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN | 81 |

THÔNG TIN CHUNG

- ✓ Thông tin khái quát
- ✓ Quá trình hình thành và phát triển
- ✓ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✓ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Rủi ro



1

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

| | | |
|-----------------------|---|---|
| Tên công ty | : | CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN |
| Tên giao dịch | : | Saigon Passenger Transport Joint Stock Company. |
| Tên viết tắt | : | SATRANCO |
| Giấy CNĐKDN số | : | 0300478044 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/09/2016 |
| Vốn điều lệ | : | 600.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng) |
| Vốn đầu tư chủ sở hữu | : | 600.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng) |
| Địa chỉ | : | Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, P. 10, Q. 5, TP. HCM |
| Số điện thoại | : | (08) 3950 5505 |
| Số fax | : | (08) 3854 6127 |
| Website | : | www.saigonbus.com.vn |
| Mã cổ phiếu | : | BSG |
| Logo công ty | : |  |

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn ("**Saigonbus**") là một trong những doanh nghiệp vận tải hoạt động lâu đời nhất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Để đáp ứng nhu cầu không ngừng tăng cao của khách hàng, Saigonbus đã mở rộng thêm nhiều dịch vụ khác như: du lịch, liên vận quốc tế, đào tạo lái xe, dịch vụ sửa chữa và đóng mới các loại xe, ngoài các dịch vụ truyền thống mà Saigonbus hoạt động từ khi mới thành lập đó là vận tải công cộng, vận chuyển hành khách



1976

Công ty được thành lập theo quyết định số 217/QĐ- UB do Ủy ban TP. Hồ Chí Minh ngày 9/4/1976, tiền thân là Công ty du lịch với nhiệm vụ đưa đón cán bộ đi công tác. Trụ sở đầu tiên của Công ty được đặt tại 131 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

1992

Công ty được đổi tên thành Công ty xe khách Sài Gòn trực thuộc Sở giao thông công chánh (nay là Sở giao thông vận tải) theo quyết định số 158/QĐUB ngày 3/12/1992 của UBND thành phố HCM.

1997

Công ty chuyển thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích, thực hiện nhiệm vụ chính là vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại TP. Hồ Chí Minh theo quyết định số 5350/QĐUBKT ngày 02/10/2997 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

2004

Công ty trở thành thành viên của Tổng công ty cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn (SAMCO) theo quyết định số 172/2004/QĐ – UB ngày 15/07/2014 của Ủy ban TP. Hồ Chí Minh về việc thành lập Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn theo mô hình công ty mẹ công ty con.

2006

Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn theo quyết định số 1264/QĐ – UBND ngày 22/03/2006 của chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2010

Công ty chuyển văn phòng về địa chỉ 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

2015

Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ra quyết định số 7164/QĐ – UBND ngày 31/12/2015 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn TNHH một thành viên thành công ty cổ phần.

2016

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/04/2006, thay đổi lần thứ 11 ngày 19/08/2016 với số vốn điều lệ là 600.000.000.000 đồng.

Công ty được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch chứng khoán. Cổ phiếu BSG chính thức được giao dịch trên sàn UPCoM vào ngày 21/11/2016.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay, Công ty đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh, nhưng hoạt động chính của Công ty tập trung vào (các) ngành nghề sau:

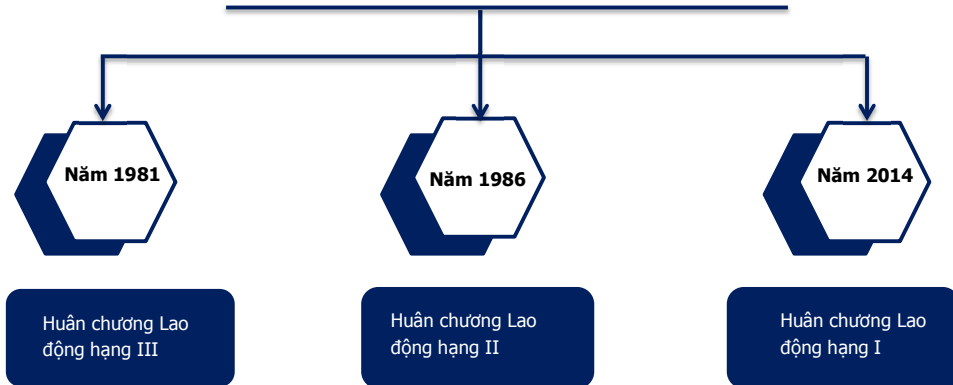
- ✓ Dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng ô tô;
- ✓ Dịch vụ đưa rước cán bộ công nhân viên, học sinh – sinh viên;
- ✓ Dịch vụ vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- ✓ Dịch vụ vận chuyển hành khách quốc tế Việt Nam – Campuchia;
- ✓ Dịch vụ Du lịch – Lữ hành nội địa và quốc tế;
- ✓ Dịch vụ bán vé máy bay.



Địa bàn kinh doanh

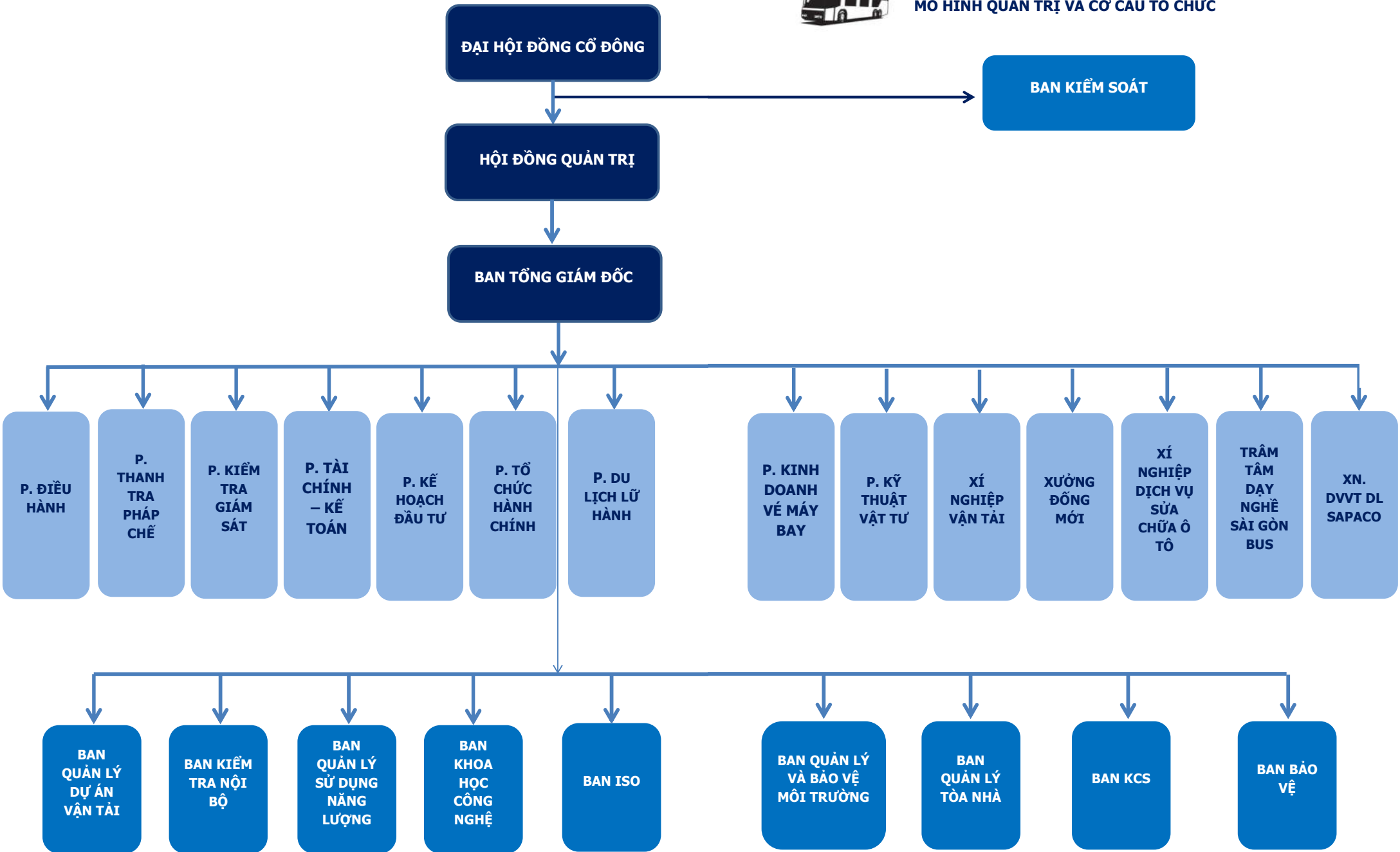
Công Ty Cổ Phần Xe Khách Sài Gòn (SaiGonBus) có địa bàn hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh và các vùng lân cận như Bình Dương, Tây Ninh.

THÀNH TÍCH VÀ KINH NGHIỆM ĐẠT ĐƯỢC CỦA CÔNG TY





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC





Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT): là cơ quan quản lý của Công ty, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

Ban Kiểm soát: là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty.

Ban Tổng giám đốc: Gồm 01 (một) Tổng giám đốc và (các) Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm. Tổng giám đốc trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty trên cơ sở Điều lệ, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Quy chế quản trị Công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Theo Điều lệ Công ty, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty, đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính và kế toán; có các quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của pháp luật.

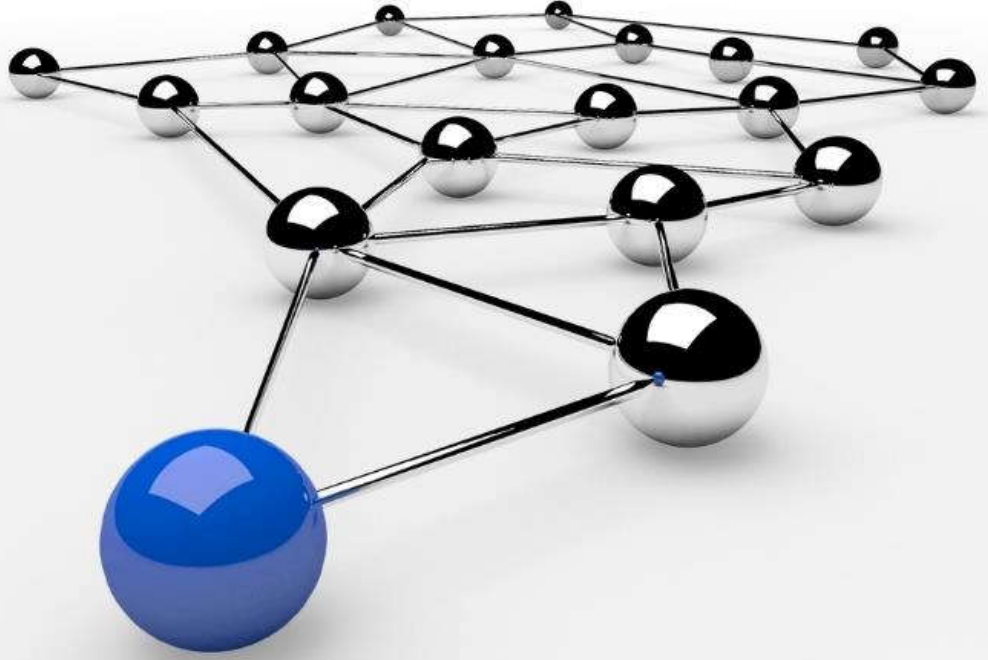


Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn hoạt động theo "**Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn**" đã được Đại hội đồng Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn thông qua ngày 28/07/2016, dưới sự định hướng, quản trị, điều hành và giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (Tổng giám đốc, (các) Phó Tổng giám đốc) và Kế toán trưởng.

Hiện tại, các phòng, ban chức năng, các xí nghiệp trực thuộc của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn không có sự thay đổi so với trước cổ phần hóa. Trong tương lai, Công ty có thể sẽ điều chỉnh cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty sao cho phù hợp với tình hình thực tế, nhu cầu về tổ chức và xu hướng phát triển của Công ty. Tuy nhiên, những điều chỉnh này không được trái với Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Cơ cấu tổ chức trên chưa bao gồm các tổ chức Đảng, Đoàn thể theo quy định của pháp luật.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.





Mục tiêu tổng quát

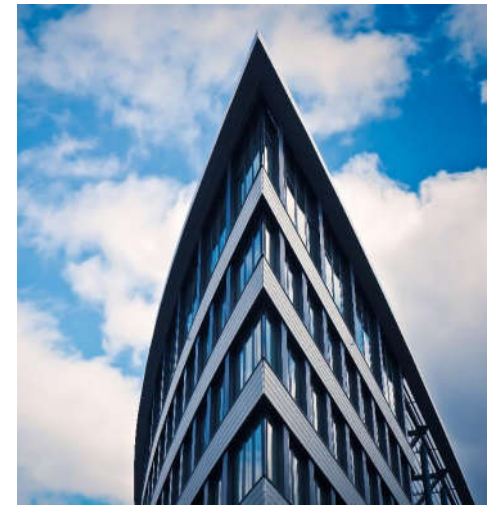
Với định hướng phát triển Công ty ổn định, bền vững, BSG không ngừng nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, khẳng định giữ vững vai trò là đơn vị cung cấp vận tải hành khách công cộng chủ lực của thành phố. Đồng thời, BSG luôn là công ty tiên phong trong việc tổ chức lại mô hình, chủ động thay đổi phương thức quản lý điều hành và áp dụng các công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, với mục tiêu thu hút ngày càng đông đảo người dân thành phố sử dụng phương tiện vận tải công cộng của mình.

Bên cạnh đó, SaigonBus luôn đẩy mạnh phát triển các hoạt động dịch vụ, chú trọng đầu tư phát triển kinh doanh du lịch lữ hành trong nước và quốc tế, đầu tư xây dựng các bãi đậu xe đa chức năng theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao.

Đóng vai trò chủ lực trong phục vụ Vận tải Hành khách Công cộng đáp ứng tốt nhất nhu cầu đi lại của người dân góp, góp phần phát triển TP. Hồ Chí Minh.

Phát triển dịch vụ Đưa rước công nhân, vận tải hành khách theo hợp đồng, Du lịch Lữ hành nội địa và quốc tế, Đóng mới - Bảo dưỡng sửa chữa xe phục vụ nhu cầu đi lại thường xuyên của người dân.

Đem lại giá trị cao cho cuộc sống người lao động với mức thu nhập tốt với văn hóa doanh nghiệp tốt, môi trường làm việc thân thiện, bình đẳng, đoàn kết.



TÂM NHÌN

Trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong trong phục vụ Vận tải Hành khách Công cộng và cung cấp dịch vụ vận tải đưa đón tại Tp HCM và hoạt động hiệu quả và được xã hội công nhận và tôn vinh.

SỨ MỆNH

Đóng vai trò chủ lực trong phục vụ Vận tải Hành khách Công cộng đáp ứng tốt nhất nhu cầu đi lại của người dân góp, góp phần phát triển TP. Hồ Chí Minh.

Phát triển dịch vụ Đưa rước công nhân, vận tải hành khách theo hợp đồng, Du lịch Lữ hành nội địa và quốc tế, Đóng mới - Bảo dưỡng sửa chữa xe phục vụ nhu cầu đi lại thường xuyên của người dân.

Đem lại giá trị cao cho cuộc sống người lao động với mức thu nhập tốt với văn hóa doanh nghiệp tốt, môi trường làm việc thân thiện, bình đẳng, đoàn kết.

Sử dụng hiệu quả vốn nhà nước, không ngừng phát triển phục vụ cộng đồng, xã hội, đất nước.

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Phục vụ khách hàng đảm bảo tiêu chí an toàn, đúng giờ, thân thiện, sang trọng.

SaigonBus luôn trân trọng ghi nhận và nâng cao sự tín nhiệm của khách hàng.

PHƯƠNG CHÂM

"CHUYỂN NGHIỆP - VĂN MINH"



Vị thế trong ngành và các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (SaigonBus) là một trong những Công ty khai thác dịch vụ vận tải lâu đời, có uy tín tại thành phố Hồ Chí Minh cũng như trong cả nước, nhất là về dịch vụ vận tải hành khách công cộng, đưa rước công nhân, liên vận quốc tế và du lịch lữ hành, ngoài ra BSG cũng là đơn vị đi đầu trong việc áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quản lý, điều hành, khai thác dịch vụ vận tải hành khách. Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiếp tục cung cấp các sản phẩm, dịch vụ vốn là thế mạnh của công ty không ngừng cải tiến, phát triển 2 mảng kinh doanh chính là (1) Hoạt động công ích và (2) Hoạt động kinh doanh dịch vụ:

- ✓ Đối với hoạt động công ích: Hoạt động xe buýt có trợ giá, Công ty được đánh giá là một trong những đơn vị chủ lực của TP. Hồ Chí Minh.
- ✓ Các hoạt động kinh doanh dịch vụ: Hoạt động kinh doanh dịch vụ bao gồm: đưa rước công nhân viên và đưa đón học sinh sinh viên, thuê xe hợp đồng, du lịch lữ hành, đào tạo và sát hạch lái xe, sửa chữa đóng mới xe khách, cho thuê văn phòng. Đối với mảng hoạt động kinh doanh dịch vụ này, Công ty ngày càng xây dựng được uy tín, thị phần và thương hiệu. Và khi nói đến SaigonBus mọi người đều thấy an tâm, thoải mái về thái độ và chất lượng phục vụ. Trong số đó phải kể đến thương hiệu du lịch Sapaco đối với mảng hoạt động kinh doanh liên vận quốc tế Campuchia.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Dựa trên dự báo về nhu cầu sử dụng dịch vụ vận tải hành khách của các khách hàng (cá nhân và tổ chức) và định hướng về quy hoạch, phát triển ngành vận tải của Chính phủ, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh trong thời gian sắp tới, Saigonbus đã xây dựng định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Saigonbus trong năm 2017 và trong giai đoạn 2017 – 2020. Vì vậy, định hướng phát triển của Công ty trong năm tài chính 2017 nói riêng và trong giai đoạn 2017 – 2020 là phù hợp với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước.

Công ty luôn chú trọng đến chất lượng dịch vụ, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường công tác Marketing, luôn chăm sóc tốt cho khách hàng,.. nhằm xây dựng thương hiệu vững mạnh.

BSG luôn quan sát và đưa ra những chủ trương xây dựng chiến lược giá cả phù hợp với chất lượng sản phẩm và dịch vụ mang lại cho khách hàng. Mặt bằng giá được xây dựng hợp lý thông qua nghiên cứu và so sánh với giá cả thị trường đồng thời hướng đến khách hàng phân khúc thị trường bậc trung và cao cấp.





Rủi ro về kinh tế

Kinh tế Việt Nam trong năm qua mặc dù chưa thật sự bút phá về tăng trưởng nhưng nhìn chung vẫn có nhiều điểm sáng, ngoại trừ các ngành về nông, lâm nghiệp và thủy sản. Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động khá phức tạp thì kinh tế nước ta vẫn tăng trưởng và đang trên đà phục hồi tốt, tổng sản phẩm (GDP) năm nay tăng 6.81% so với năm 2016 vượt mục tiêu đề ra 6.7%. Ngoài ra, Việt Nam được đánh giá là nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trên thế giới, và vẫn được nằm trong giai đoạn có cấu trúc dân số trẻ cao, tốc độ dân số duy trì ổn định.

Với đặc thù ngành nghề của BSG là vận tải hành khách, trong đó vận tải công ích chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng doanh thu mang lại, do đó Công ty khó tránh khỏi những ảnh hưởng của tình hình kinh tế bị biến động không tốt làm nhu cầu sử dụng dịch vụ của khách hàng sụt giảm. Ngoài ra, nhu cầu đi lại du lịch củ hành khách cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Đứng trước tình hình này, BSG luôn theo dõi những thay đổi dù nhỏ nhất của nền kinh tế vĩ mô, từ đó phân tích và đưa ra những dự đoán những ảnh hưởng có thể xảy ra đối với địa bàn hoạt động nhằm đề xuất các biện pháp để giải quyết kịp thời, giảm thiểu đến mức thấp nhất rủi ro này.

Rủi ro về pháp luật

BSG là một doanh nghiệp hoạt động với ngành nghề vận tải và là một doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở GDCK Hà Nội nên hoạt động của Công ty chịu tác động lớn từ các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động như Luật giao thông đường bộ, v.v.

Để giảm thiểu rủi ro này, BSG luôn tìm cách để đưa ra những giải pháp nhằm hạn chế rủi ro về pháp luật như:

- ✓ Cập nhập liên tục quá trình thay đổi các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực hoạt động và pháp luật điều chỉnh về tổ chức hoạt động của công ty để có được sự điều chỉnh phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.
- ✓ Các bộ phận trong phòng ban của công ty luôn có trách nhiệm tìm hiểu và xây dựng quy trình hoạt động phù hợp với pháp luật để nhằm phát triển cho Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, tại Tp. Hồ Chí Minh có rất nhiều lựa chọn khác nhau cho nhu cầu đi lại của hành khách ngoài phương tiện vận tải công cộng do BSG cung cấp. Do đó, đây sẽ là một trong những khó khăn và trở ngại cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, trong thời gian gần đây có nhiều hình thức kinh doanh vận tải sáng tạo hơn đã ra đời và thu hút được rất nhiều người tiêu dùng sử dụng đã càng làm tăng thêm mức độ rủi ro cạnh tranh cho BSG, làm ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu của Công ty.



Biện Pháp

Để hạn chế được rủi ro này, BSG đã chủ động xây dựng những chiến lược kinh doanh phù hợp nhất cho Công ty như: thực hiện khảo sát thị trường và so sánh với giá cả các hãng dịch vụ khác để đưa ra những chính sách cho giá cả phù hợp nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Đồng thời, với mong muốn đạt được mục đích xây dựng thương hiệu vững mạnh, BSG đã tăng cường công tác phát triển hoạt động Marketing, đảm bảo chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, nhằm tăng hoạt động kinh doanh cho Công ty.



Rủi ro nguyên vật liệu

Xăng dầu vẫn là nguyên liệu chính cho hoạt động trong ngành vận tải hành khách của Công ty. Do đó, sự biến động về giá cả xăng dầu sẽ làm cho BSG chịu ảnh hưởng và tác động đến kết quả doanh thu của Công ty, do chi phí của các nguyên vật liệu (xăng, dầu, nhớt,...) chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí giá vốn hàng bán dẫn đến ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận Công ty. Trong năm 2017, giá dầu có xu hướng phục hồi với giá dầu thô đạt bình quân 55 USD/thùng.

Do đó, để hạn chế ảnh hưởng của nguồn nguyên liệu đầu vào này, Saigonbus đã ký kết các hợp đồng mua hàng với các đối tác cung cấp có quy mô lớn và uy tín tại địa phương nhằm đảm bảo sự ổn định nguồn nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho quá trình hoạt động liên tục của Công ty.



Rủi ro về an toàn và chất lượng dịch vụ

BSG luôn quan tâm và chú trọng đến vấn đề đảm bảo an toàn và chất lượng cho dịch vụ, chăm sóc khách hàng tận tình và luôn có thái độ phục vụ nhiệt tình với khách hàng lựa chọn sử dụng dịch vụ. Với phương châm dịch vụ hoàn hảo, Công ty sẽ không ngừng nỗ lực đưa ra những cải tiến các sản phẩm, dịch vụ chăm sóc khách hàng. Thông qua những hành động cụ thể như lắp đặt camera trên xe và lối ra vào bãi giữ xe để đảm bảo an ninh, không ngừng nâng cao thái độ phục vụ của nhân viên thông qua những phản hồi của khách hàng để hoàn thiện chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn. Lắp đặt wifi và phần mềm hỗ trợ chỉ đường cho người đi xe bus..... Công ty còn có cả một trung tâm điều hành trực tuyến để tiếp nhận giải đáp thắc mắc cho khách hàng, lái xe, tiếp viên và để hỗ trợ thông tin kẹt xe từ các nguồn như VOA...

Ngoài ra, với đặc thù là ngành nghề vận tải nên rủi ro về an toàn giao thông luôn là một vấn đề mà BSG luôn đặt lên hàng đầu. Tại TP. Hồ Chí Minh với tình hình giao thông phức tạp và nạn kẹt xe vẫn diễn ra hàng ngày vào các giờ cao điểm, do đó Công ty luôn phải cảnh giác với những rủi ro tiềm ẩn liên quan đến an toàn giao thông. Tuy nhiên, với tinh thần trách nhiệm và luôn đảm bảo an toàn cho khách hàng nên các quy trình về cung cấp dịch vụ của BSG luôn được kiểm soát chặt chẽ, thường xuyên giám sát kiểm tra để góp phần giảm thiểu rủi ro này.

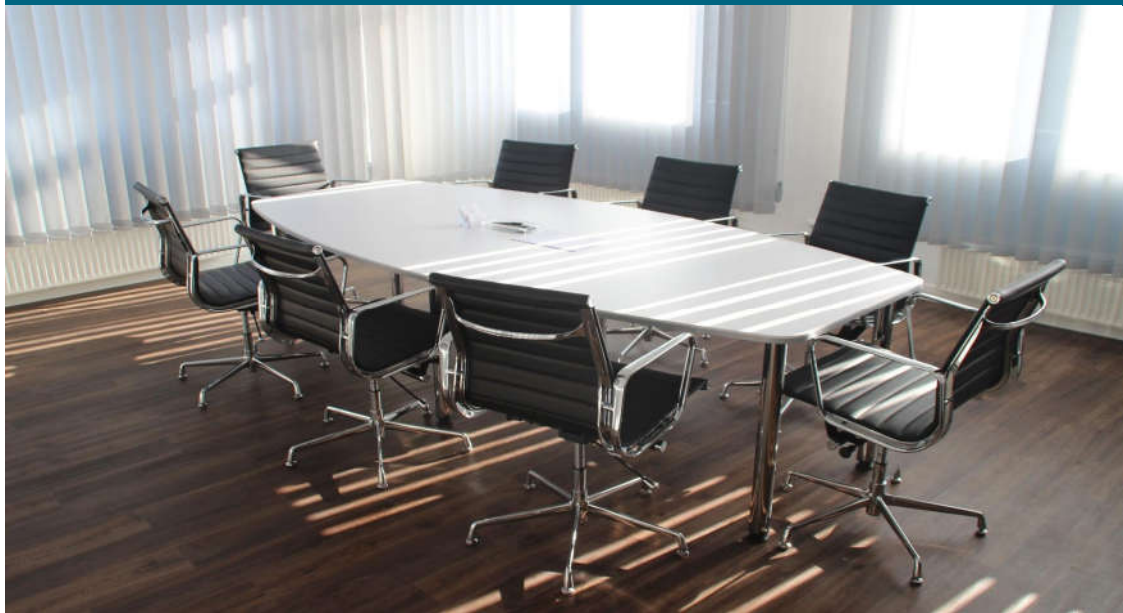


TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



2

- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban Kiểm soát
- ✓ Ban Điều Hành Công Ty
- ✓ Những thay đổi trong Ban Điều hành
- ✓ Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty như sau:

| Thành viên HĐQT | Chức vụ |
|----------------------|----------------------------|
| Ông Nguyễn Hồng Anh | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Ông Đoàn Minh Tâm | Thành viên HĐQT |
| Ông Trần Ngọc Dân | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Tuấn Việt | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Hồ Minh | Thành viên HĐQT |
| Hoàng Quốc Hội | Thành viên HĐQT |
| Trần Lâm | Thành viên HĐQT |

Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị:

Ông Đoàn Minh Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh: 1960

Địa chỉ: 22F Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí ô tô máy kéo

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 229.600 cổ phần, tương ứng với 0,38% VDL

Đại diện phần vốn: 7.200.000 cổ phần, tương ứng với 12% VDL - Đại diện Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO).

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|---------------------|--|
| Từ 1983 đến 12/1983 | Học viên Trường Sĩ quan kỹ thuật công binh Sông Bé (Bình Dương), tốt nghiệp cấp bậc Thiếu úy sĩ quan dự bị thuộc sư đoàn 309 Quân Đoàn 4 |
| Từ 1984 đến 04/1999 | Kỹ sư phòng kỹ thuật, phụ trách đội xe, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty Bí thư chuyên trách Đoàn TN Công ty, thành viên Ban Kiểm soát Công ty Xe khách Liên tỉnh Miền Tây, nay là Công ty Cổ phần Xe khách du lịch và Dịch vụ Miền Tây. |
| Từ 1996 - 2016 | Phó Tổng Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn – Thiếu tá sĩ quan dự bị. |
| Từ 2016 - nay | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn |

Ông Nguyễn Hồng Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 28/3/1961

Địa chỉ: 129 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí Nông nghiệp

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện vốn: 7.800.000 cổ phần, tương ứng với 13% VDL - Đại diện Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|----------------------|--|
| Từ 5/1984 đến 7/1985 | Kỹ thuật phân xưởng Công xưởng Thành phố |
| Từ 1985 đến 10/1987 | Công ty Dừa Long Thành - Đồng Nai |
| Từ 1987 đến 11/1993 | Công ty Khoan Cấp Nước Đồng Nai |
| Từ 1993 đến 8/1996 | Xí nghiệp Nước Nhon Trạch nay là Công ty cổ phần Cấp nước Nhon Trạch - Đồng Nai |
| Từ 9/1996 đến 6/1999 | Quản đốc phân xưởng 3 Công ty Cơ khí ô tô Sài Gòn |
| Từ 7/1999 đến 7/2004 | Phó Giám đốc Công ty Cơ khí ô tô Sài Gòn |
| Từ 8/2004 đến 4/2009 | Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO) |
| Từ 5/2009 đến 9/2013 | Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO) |
| Từ 10/2013 đến nay | Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO) |

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)



Ông Trần Ngọc Dân - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1953

Địa chỉ: 57 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 14.427.400 cổ phần, tương ứng với 24,05% VDL - Đại diện Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô.

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|------------------|--|
| Từ 1981 - 1988 | Phó Giám đốc Công ty Vật tư Khoa học Kỹ thuật TP.HCM |
| Từ 1989 đến 1990 | Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Khu vực II (Petrolimex) |
| Từ 1991 đến 1992 | Phó Giám đốc Công ty Mexco Bộ Công nghiệp Nhẹ |
| Từ 1993 đến 1999 | Tổng Giám đốc Công ty TNHH Lâm Long |
| Từ 2000 đến 2012 | Tổng Giám đốc Công ty City Ford |
| Từ 2012 đến nay | Chủ tịch HĐQT Công ty City Ford |
| Từ 2006 đến nay | Chủ tịch HĐQT Công ty Cửa Lò Golf Resort |
| Từ 2012 đến nay | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Tân Thành Đô Chức vụ hiện đang nắm |

Ông Nguyễn Tuấn Việt - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc

Năm sinh: 1964

Địa chỉ: 42 Phạm Đôn, Phường 10, Quận 5, Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 206.900 cổ phần, tương ứng với 0,34% VDL

Đại diện phần vốn: 7.200.000 cổ phần, tương ứng với 12% VDL - Đại diện Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|------------------|---|
| Từ 1986 - 1996 | Cán bộ Kỹ thuật – Xưởng sửa chữa ô tô số 2 Công ty Xe Du lịch TP.HCM |
| Từ 1996 đến 1998 | Phó Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Xe khách Sài Gòn |
| Từ 1998 đến 2005 | Trưởng Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Xe khách Sài Gòn |
| Từ 2005 đến 2010 | Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn |
| Từ 2010 đến 2011 | Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn |
| Từ 2011 đến 2016 | Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn |
| Từ 2016 đến nay | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn |

Ông Nguyễn Hồ Minh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám Đốc

Năm sinh: 1967

Địa chỉ: 195/5B Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 206.800 cổ phần, tương ứng với 0,34% VDL

Đại diện phần vốn: 7.200.000 cổ phần, tương ứng với 12 VDL - Đại diện Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO).

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|---------------------|---|
| Từ 1997 - 2003 | Chuyên viên Phòng Kế hoạch Điều hành Công ty Xe khách Sài Gòn |
| Từ 2003 đến 2004 | Phó Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xe khách Sài Gòn |
| Từ 6/2004 - 12/2004 | Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xe khách Sài Gòn |
| Từ 2005 đến 2009 | Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn |
| Từ 2009 đến 2011 | Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn kiêm nhiệm Giám đốc Công ty TNHH Vận tải TP.HCM |
| Từ 2011 đến 2016 | Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn |
| Từ 2016 đến nay | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn |

Ông Hoàng Quốc Hội - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1960

Địa chỉ: 20 Vũ Ngọc Phan, Phường 13, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: 12/12

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|------------------|--|
| Từ 1984 - 1996 | Học và làm việc tại Bungaria |
| Từ 1996 đến 2004 | Giám đốc Kinh doanh tại Công ty Vidotour |
| Từ 2004 - 2007 | Giám đốc Kinh doanh tại Công ty KingTele Ltd., |
| Từ 2007 đến 2012 | Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Công ty cổ phần ô tô Xe máy Hoàng Trang |
| Từ 2012 đến nay | Chủ tịch Hội đồng thành viên tại Công ty TNHH Infracol |

Ông Trần Lâm - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1983

Địa chỉ: 57 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|--|---|
| Từ 2007 - 2010 | Giám đốc bán hàng Đại lý City Ford - Tập đoàn Tân Thành Đô |
| Từ 2009 đến 2010 | Tổng Giám đốc Đại lý Ford, Ford Phú Mỹ - Phát triển kinh doanh - Tập đoàn Tân Thành Đô |
| Từ 2010 - 2013 | Tổng Giám đốc Land Rover Việt Nam |
| Từ 2013 - 2015 | Phó Tổng Giám Đốc tập đoàn Tân Thành Đô |
| Từ 2015 đến nay | Tổng Giám đốc Volkswagen Việt Nam |
| Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô. Tổng Giám đốc Volkswagen Việt Nam |





BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Thành viên Ban điều hành của Công ty như sau:

| Thành viên Ban Điều hành | Chức Vụ |
|--------------------------|---|
| Ông Đoàn Minh Tâm | Tổng Giám Đốc, Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Tuấn Việt | Phó Tổng Giám Đốc, Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Hồ Minh | Phó Tổng Giám Đốc, Thành viên HĐQT |
| Bà Phạm Thị Lệ Thu | Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin |

Cơ cấu và sơ yếu lý lịch của Ban điều hành

Sơ yếu lý lịch Ông Đoàn Minh Tâm, Ông Nguyễn Tuấn Việt và Ông Nguyễn Hồ Minh vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị:

➤ Ông Vũ Duy Anh – Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1976

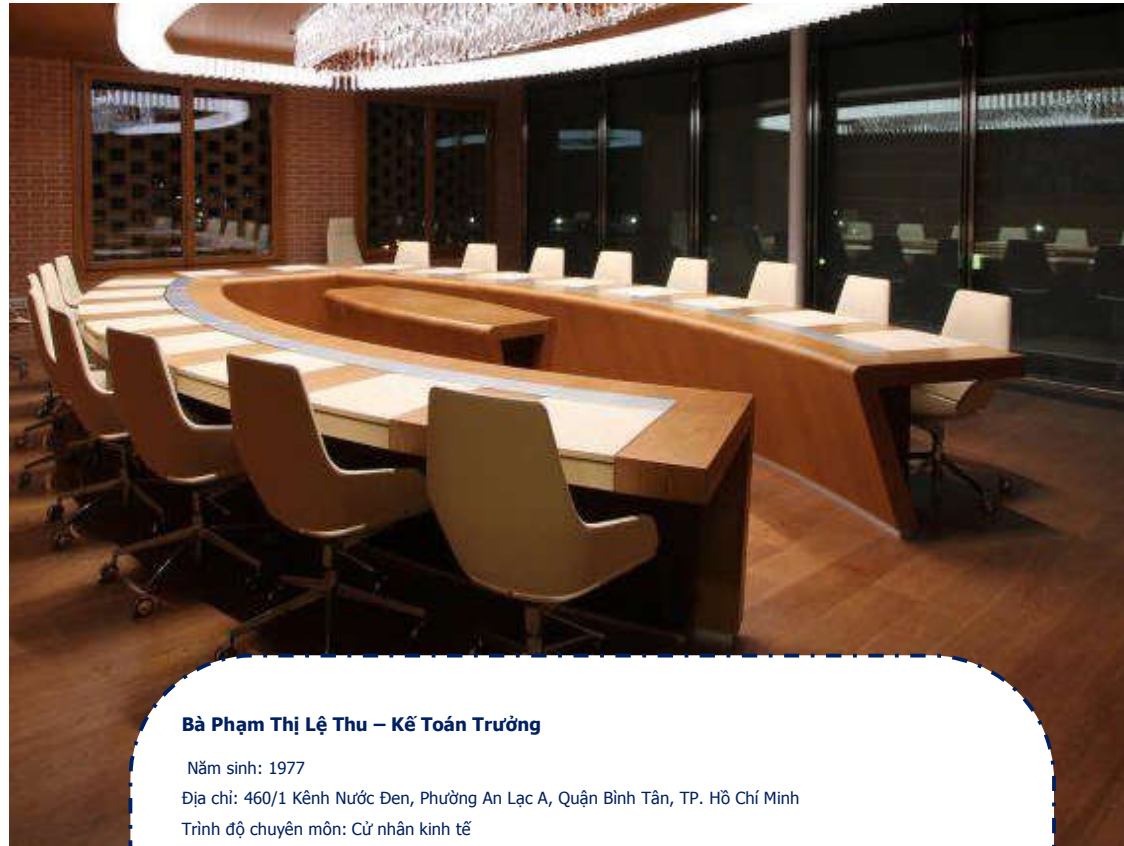
Địa chỉ: 20 Đường số 9 Hoàng Hoa Thám, P.13, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tổ chức và Quản lý Vận tải

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 206.200 cổ phần, tương ứng với 0,34% VDL Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|---------------------|---|
| Từ 1999 đến 2003 | Cán bộ Công ty Quang Hưng |
| Từ 2003 đến 2004 | Chuyên viên Kế hoạch Đầu tư Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn |
| Từ 3/2004 - 9/2004 | Phó Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn |
| Từ 10/2004 - 8/2013 | Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn |
| Từ 9/2013 - 8/2016 | Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn |
| Từ 2016 đến nay | Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn |
| Chức vụ tại Công ty | Phó Tổng Giám đốc |



Bà Phạm Thị Lệ Thu – Kế Toán Trưởng

Năm sinh: 1977

Địa chỉ: 460/1 Kênh Nước Đen, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 101.600 cổ phần, tương ứng với 0,17% VDL Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|---------------------|--|
| Từ 1999 đến 2006 | Chuyên viên Phòng Tài Chính Kế toán Công Ty Xe Khách Sài Gòn |
| Từ 2006 đến 2014 | Phó phòng Tài Chính Kế Toán Công Ty Xe Khách Sài Gòn |
| Từ 3/2015 - 9/2016 | Kế Toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn |
| Từ 2016 - nay | Kế Toán trưởng Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn |
| Chức vụ tại Công ty | Kế toán trưởng |





BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát của Công ty như sau:

| Thành viên Ban kiểm | Chức Vụ |
|---------------------|----------------------|
| Ông Nim Vuồn Phu | Trưởng Ban kiểm soát |
| Bà Huỳnh Thị Hạnh | Thành viên kiểm soát |
| Bà Trần Thị Kim Hòa | Thành viên kiểm soát |

Sơ yếu lý lịch của Ban kiểm soát:

Ông Nim Vuồn Phu – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1966

Địa chỉ: 1767/7/4A, Quốc lộ 1A, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|--------------------|--|
| Từ 990 đến 1992 | Cán bộ Kiểm sát Chung, Kiểm sát Thi hành án – Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Tây Ninh |
| Từ 3/1992 - 8/1992 | Cán bộ tín dụng Ngân hàng VCSB |
| Từ 1992 - 1997 | Cán bộ Kế toán Công ty May mặc VIECO - HIKOSEN |
| Từ 1997 - 2004 | Trưởng Phòng Kế toán nội bộ, Trưởng Phòng Xúc tiến Thương mại Công ty NESTLE Việt Nam |
| Từ 2004 - 2007 | Giám đốc bán hàng kênh siêu thị Công ty FONTERRA Việt Nam |
| Từ 2007 - 2010 | Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty tài chính VIỆT SOCIETE GENERAL |
| Từ 2010 - 2013 | Giám đốc tài chính kinh doanh Công ty cổ phần NIMG |
| Từ 2013 - 2014 | Trưởng Phòng Đầu tư -Tín dụng & Hợp tác Quốc tế Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa – Vũng Tà |
| Từ 2014 đến nay | Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô |

Bà Huỳnh Thị Hạnh - Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1970

Địa chỉ: 177/15 Bùi Hữu Nghĩa, Phường 7, Quận 5, Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Đại học

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|------------------|--|
| Từ 1993 - 1995 | Kế toán Công ty TNHH Chế biến gỗ Đăng Quang |
| Từ 1995 đến 2007 | Nhân viên Phòng Kế toán Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn |
| Từ 2008 đến 2016 | Trưởng Phòng Kế toán Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành |
| Hiện nay | Phó Giám đốc Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV |

Bà Trần Thị Kim Hòa - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1990

Địa chỉ: 17/13 Trương Công Định, Phường Thành Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đak Lak

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 200 cổ phần, tương ứng với 0,0003% VDL Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|-------------------|--|
| Từ 2013 - 8/2016 | Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn |
| Từ 8/2016 đến nay | Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn |



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Công ty không có sự thay đổi nào.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

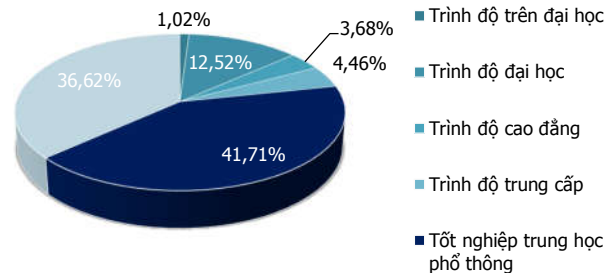
➤ Tình hình nhân sự của Công ty tại thời điểm 31/12/2017:

Tổng số lao động năm 2017 là 1.278 người

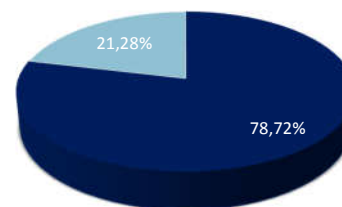
Trong đó:

| STT | Tính chất phân loại | Năm 2016 | Năm 2017 | Tỷ trọng 2017 |
|----------|-------------------------------------|--------------|--------------|---------------|
| A | Theo trình độ | 1.243 | 1.278 | 100% |
| 1 | Trình độ trên đại học | 11 | 13 | 1,02% |
| 2 | Trình độ đại học | 161 | 160 | 12,52% |
| 3 | Trình độ cao đẳng | 55 | 47 | 3,68% |
| 4 | Trình độ trung cấp | 67 | 57 | 4,46% |
| 5 | Tốt nghiệp trung học phổ thông | 560 | 533 | 41,71% |
| 6 | Chưa tốt nghiệp trung học phổ thông | 389 | 468 | 36,62% |
| B | Theo giới tính | 1.243 | 1.278 | 100% |
| 1 | Nam | 990 | 1.006 | 78,72% |
| 2 | Nữ | 253 | 272 | 21,28% |
| C | Theo trình độ lao động | 1.243 | 1.278 | 100% |
| 1 | Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ | 67 | - | - |
| 2 | Hợp đồng không thời hạn | 949 | 851 | 66,59% |
| 3 | Hợp đồng thời hạn từ 01 - 03 năm | 227 | 129 | 10,09% |
| 4 | Hợp đồng dưới 01 năm | 67 | 298 | 23,32% |

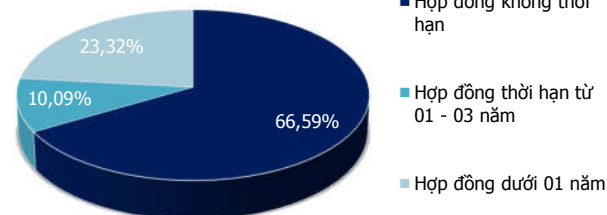
THEO TRÌNH ĐỘ



THEO GIỚI TÍNH



THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG

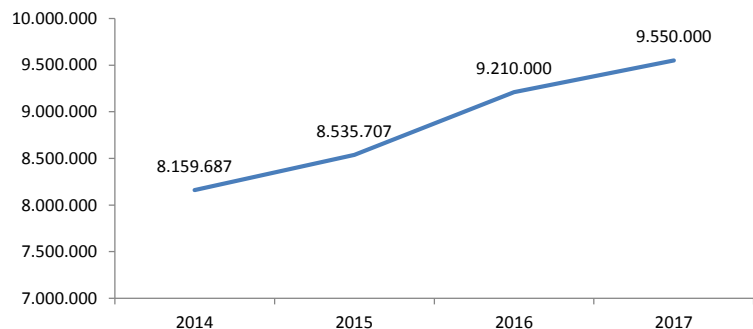


TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐỒNG/ THÁNG/ NGƯỜI)

| STT | Năm | Mức lương bình quân (Đồng/ người /tháng) |
|-----|------|--|
| 1 | 2014 | 8.159.687 |
| 2 | 2015 | 8.535.707 |
| 3 | 2016 | 9.210.000 |
| 4 | 2017 | 9.550.000 |

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐVT: TRIỆU ĐỒNG)



➤ Chính sách người lao động

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo: Theo quy chế tuyển dụng và đào tạo của Công ty
- Tiền lương, tiền thưởng: Theo Quy chế trả lương, thưởng của Công ty nhưng đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, quyền và lợi ích của người lao động;
- Các chế độ làm thêm giờ, nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, ốm đau, thai sản: Theo tình hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật;
- Thời gian làm việc: Bộ phận văn phòng 48 giờ/tuần; Bộ phận trực tiếp sản xuất làm việc theo ca;
- Điều kiện làm việc của người lao động: Theo tình hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty và đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động, phù hợp quy định pháp luật;
- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Theo quy định pháp luật.
- Tất cả người lao động của công ty đều được ký hợp đồng lao động và đóng Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của Nhà nước.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ✓ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✓ Tình hình hoạt động đầu tư
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu
- ✓ Báo cáo tác động môi trường và xã hội của công ty

3



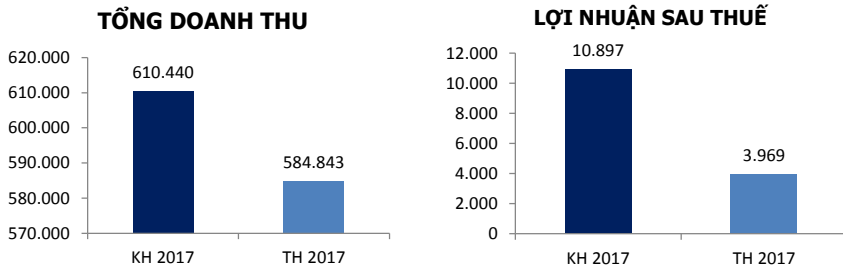
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện | | Tỷ lệ % TH/KH 2017 | |
|----------------------------|------------|---------------------------------|---------------|-----------------------|---------|
| | | 19/08/2016 Đến 31/12/2016 | Kế hoạch 2017 | | |
| Tổng Doanh thu | Triệu đồng | | 610.440 | 584.843 | 95,81% |
| Vốn điều lệ | Triệu đồng | 594.387 | 600.000 | 600.000 | 100,00% |
| Lỗ lãi do thanh lý tài sản | Triệu đồng | - | (Chưa dự trừ) | (9.459) | - |
| Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 2.503 | 10.897 | 3.969 | 36,42% |
| LNST/Doanh thu thuần | % | 1,23% | 1,93% | 0,70% | 36,27% |
| LNST/Vốn điều lệ | % | 0,42% | 1,82% | 0,66% | 36,26% |

Cơ cấu doanh thu

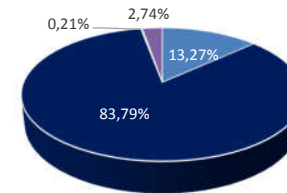
| Khoản mục | 19/08/2016 – 31/12/2016 | | Năm 2017 | |
|----------------------------|-------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Doanh thu bán hàng hóa | 27.764.967.643 | 13,27% | 86.264.199.764 | 14,75% |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 175.361.441.701 | 83,79% | 478.183.184.922 | 81,76% |
| Doanh thu tài chính | 443.056.168 | 0,21% | 4.673.485.664 | 0,80% |
| Doanh thu khác | 5.729.153.677 | 2,74% | 15.721.848.631 | 2,69% |
| Tổng Doanh thu | 209.298.619.189 | 100,00% | 584.842.718.981 | 100,00% |

(*) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đã trừ đi khoản giảm trừ doanh thu (4.496.455.856 đồng)

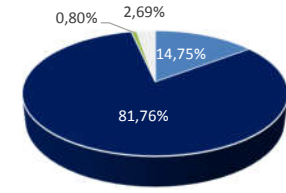


Trong năm 2017, tổng doanh thu của Công ty có xu hướng tăng mạnh, đạt giá trị 584.843 tỷ đồng, và đạt 95,81% so với kế hoạch đã đặt ra. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 3.969 tỷ đồng và đạt 36,42% so với kế hoạch.

19/08/2016 – 31/12/2016



Năm 2017



- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu tài chính
- Doanh thu khác

Với một năm hoạt động hiệu quả của Công ty, tuy chưa đem lại lợi nhuận cao, nhưng Công ty vẫn luôn thực hiện tốt các công tác về việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, qua đó Công ty cũng đã đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước. Công ty đã đưa ra những kế hoạch định hướng phát triển với tình hình tài chính hiện nay của mình. Đồng thời, Hội đồng quản trị sẽ đề xuất trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông trong thời gian tới nhằm hướng đến lợi ích kinh tế mang lại cho toàn bộ cổ đông và phù hợp với chiến lược hoạt động trong tương lai của Công ty.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

NĂM 2016

Đối với dự án 29 xe CNG giai đoạn 2: Đã hoàn tất dự án đưa 29 xe CNG vào hoạt động trên tuyến số 27 (Công viên 23/9 – Âu Cơ – BX An Sương) từ ngày 01/8/2016 và tuyến buýt số 93 (Bến Thành – ĐH Nông Lâm) từ ngày 10/9/2016.

Dự án đầu tư 17 xe buýt loại B40: đã hoàn tất việc đầu tư mua sắm 17 xe buýt loại B40 và đưa vào khai thác trên tuyến buýt số 31 (Khu dân cư Tân Quy – Khu dân cư Bình Lợi) từ ngày 15/07/2016.

Dự án đầu tư mới 166 xe buýt: Thực hiện Quyết định số 07/QĐ-HĐQT/SGB ngày 16/8/2016 của Hội đồng quản trị về việc thông qua việc triển khai đầu tư mua sắm phương tiện của dự án 166 xe buýt mới. Công ty đã hoàn tất đầu tư và đã đưa vào hoạt động trên các tuyến buýt số 7, 36, 28, 11, 103, 71, 62, 139, 38, 64 trong tháng 12/2016.

NĂM 2017

| Loại xe | Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐTL/SGB và 07/NQ-ĐHĐCĐTL/SGB | | Thực hiện nghị quyết | | Đưa vào hoạt động trên các tuyến buýt |
|-------------|--|-----------------|----------------------|-----------------|---|
| | Số lượng | Tổng mức đầu tư | Số lượng | Tổng mức đầu tư | |
| B47 | 34 | 46,852 | 27 | 37,206 | Bổ sung xe do tăng chuyến cho 09 tuyến buýt 11, 28, 36, 38, 62, 71, 103, 139, 152 |
| CNG B55 | 50 | 94,5 | 34 | 63,886 | Đưa vào hoạt động trên tuyến 45 (18 xe), 148 (16 xe) |
| CNG H68 | 17 | 46,75 | 5 | 13,745 | Bổ sung xe do tăng chuyến cho tuyến 27 (02 xe), 93 (03 xe) |
| Tổng | 110 | 188,102 | 66 | 114,837 | |



ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- ✓ Dự án đầu tư xây dựng bãi đậu xe tĩnh tại khu đất số 1 Phạm Hồng Thái, Phường 02, Quận Tân Bình.
- ✓ Dự án án xây dựng Bãi đậu xe kết hợp kinh doanh thương mại dịch vụ, văn phòng tại khu đất số 592 Cộng Hòa, phường 13, Quận Tân Bình.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Chi tiêu | 19/08/2016 – 31/12/2016 | Năm 2017 |
|---|----------------------------|----------|
| Tổng tài sản | 843.847 | 956.820 |
| Doanh thu thuần | 203.126 | 564.447 |
| Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh | (964) | 126 |
| Lỗ do thanh lý tài sản | - | (9.459) |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.158 | 5.066 |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.503 | 3.969 |

(*) Do số liệu không đồng nhất về thời gian nên không tính phần trăm (%) tăng giảm

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2016 | Năm 2017 |
|---|------|----------|----------|
| Chi tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 2,56 | 1,72 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 2,22 | 1,47 |
| Chi tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 27,32% | 34,97% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 37,59% | 53,78% |
| Chi tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 6,72 | 13,72 |
| Vòng quay tài sản | Vòng | 0,25 | 0,63 |
| Chi tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 1,23% | 0,70% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | % | 0,65% | 0,64% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 0,30% | 0,44% |
| Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ DTT | % | - | 0,02% |





Cơ cấu vốn

Nhìn chung, trong năm 2017 các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty tăng tương đối so với năm 2016. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản là 34,97% và nợ trên vốn chủ sở hữu là 53,78%, nguyên nhân dẫn đến sự tăng này là do nợ phải trả và tổng tài sản của Công ty tăng lên so với năm trước. Cụ thể, trong năm 2017 Công ty đã thực hiện đầu tư thêm phương tiện vận tải làm tăng các khoản nợ dài hạn đến từ việc vay vốn từ các Ngân hàng thương mại.

Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 6,72 vòng lên đến 13,72 vòng. Trong năm nay trong khi hàng tồn kho tăng 46,07% so với năm trước thì giá vốn hàng bán cũng có sự gia tăng khá cao và tăng cao hơn giá trị hàng tồn kho (tăng 179,98% với giá trị 323,08 tỷ đồng).

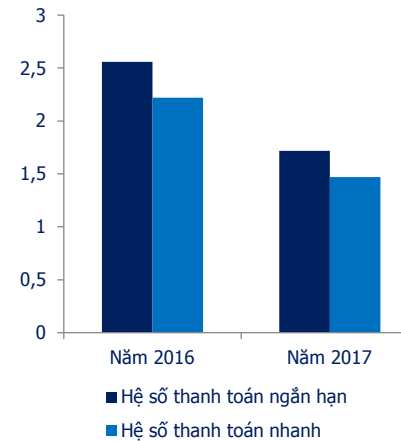
Vòng quay tài sản cũng tăng tương đối từ 0,25 vòng lên 0,63 vòng. Nguyên nhân, trong năm hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty diễn ra hiệu quả dẫn đến doanh thu thuần tăng khá cao 177,88% so với năm trước. Tổng tài sản của Công ty cũng tăng với mức tăng nhưng tăng thấp hơn doanh thu thuần là 13,39%.

Chỉ số khả năng sinh lời

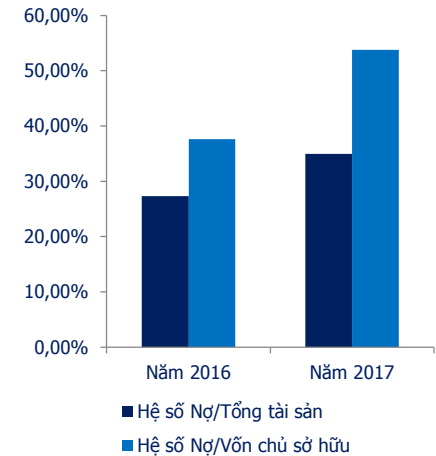
Trong năm 2017, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng so với năm trước, khoản mục này tăng 58,57%. Tuy nhiên, do tỷ lệ tăng của doanh thu thuần và tổng tài sản của Công ty tăng cao hơn nên làm cho các hệ số về khả năng sinh lời giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm nay, vốn chủ sở hữu đã tăng nhẹ 1,45% so với năm 2016, đồng thời lợi nhuận sau thuế cũng tăng cao nhưng tỷ số ROA của Công ty vẫn không tăng cao so với năm 2016, vì trong năm 2016 giá trị trung bình của VCSH đạt giá trị nhỏ hơn năm 2017 nên chỉ số này cũng không có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, trong năm 2017 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn được kiểm soát ổn định.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN



CƠ CẤU VỐN



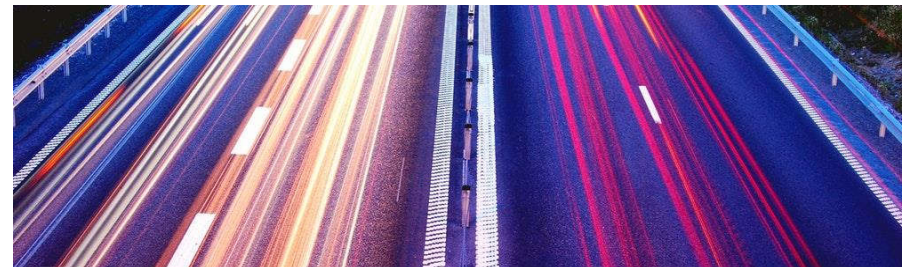
Chỉ số khả năng thanh toán

Năm 2017, các hệ số khả năng thanh toán của Công ty đều giảm nhẹ so với năm 2016: chỉ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,56 lần xuống 1,72 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 2,22 lần xuống 1,47 lần.

Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm mạnh là do nợ ngắn hạn của Công ty tăng hơn 85,59 tỷ đồng tương đương tăng 97,92% so với giai đoạn từ 19/08/2016 – 31/12/2016, ngoài ra trong kỳ tài sản ngắn hạn của Công ty cũng tăng nhưng thấp hơn mức độ tăng của nợ ngắn hạn, tăng 33,04% đạt giá trị 73,92 tỷ đồng. Biến động làm tăng nợ ngắn hạn chủ yếu đến từ 02 khoản mục chính: Phải trả người bán ngắn hạn và các khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước. Theo đó các khoản phải trả Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV và phải trả CTCP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn, cùng các nhà cung cấp nguyên liệu khác đã tăng lên đáng kể trong năm qua.

Tài sản ngắn hạn tăng so với năm trước là do hàng tồn kho tăng với giá trị đạt được 43,50 tỷ đồng vì trong năm 2017 Công ty phải mua thêm nguyên vật liệu và hóa đi đường của Công ty cũng tăng cao. Ngoài ra, các khoản phải thu của khách hàng cũng tăng 70,12% tương ứng 23,87 tỷ đồng.

Tổng quan, mặc dù các hệ số thanh toán của Công ty đều trong xu hướng giảm nhưng nguyên nhân giảm là từ các khoản chi phát sinh để đầu tư vào quá trình kinh doanh và các khoản chi này đã mang lại hiệu quả khi kết quả kinh doanh 2017 của Công ty rất khả quan.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

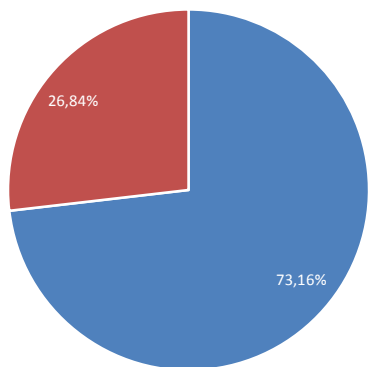
Cơ cấu cổ đông năm 2017

| STT | Cổ đông | Số cổ đông | Số cổ phần | % Vốn điều lệ |
|------------------|---------------------------|------------|-------------------|----------------|
| I. | Cổ đông tổ chức | 04 | 43.897.400 | 73,16% |
| 1. | Trong nước | 03 | 43.897.400 | 73,16% |
| - | Trong đó cổ đông Nhà nước | 01 | 29.400.000 | 49,00% |
| 2. | Nước ngoài | - | - | - |
| II. | Cổ đông cá nhân | 563 | 16.102.600 | 26,84% |
| 1. | Trong nước | 563 | 16.102.600 | 26,84% |
| 2. | Nước ngoài | - | - | - |
| III. | Cổ phiếu quỹ | - | - | - |
| TỔNG CỘNG | | 567 | 60.000.000 | 100,00% |

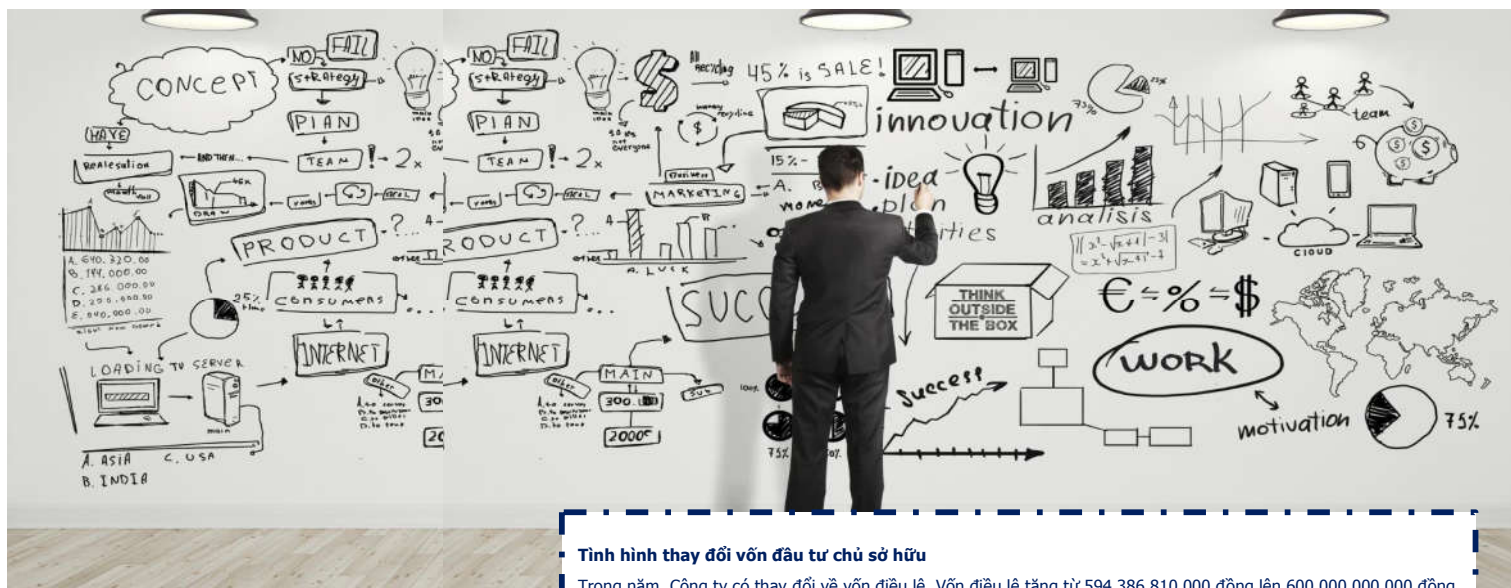
Danh sách cổ đông lớn

| STT | Tên Cổ đông | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | % VDL |
|-----|--|-----------------------------|--------|
| 1 | Tổng công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên (SAMCO) | 29.400.000 | 49,00% |
| 2 | Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô | 14.427.400 | 24,05% |
| 3 | Phạm Anh Hưng | 9.000.000 | 15,00% |
| 4 | Nguyễn Văn Thành | 4.500.000 | 7,5% |

Cơ cấu cổ đông



■ Cổ đông tổ chức ■ Cổ đông cá nhân



Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm, Công ty có thay đổi về vốn điều lệ. Vốn điều lệ tăng từ 594.386.810.000 đồng lên 600.000.000.000 đồng

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có





BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ✓ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
- ✓ **Tình hình tài chính**
- ✓ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- ✓ **Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán**



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | % Tăng, giảm |
|------------------|------------------------|------------------------|---------------|
| Tài sản | 843.848.616.536 | 956.819.996.951 | 13,39% |
| Tài sản ngắn hạn | 223.753.165.177 | 297.676.602.854 | 33,04% |
| Tài sản dài hạn | 620.095.451.359 | 659.143.394.097 | 6,30% |
| Nguồn vốn | 843.848.616.536 | 956.819.996.951 | 13,39% |
| Nợ ngắn hạn | 87.407.508.037 | 172.992.958.565 | 97,92% |
| Nợ dài hạn | 143.134.948.702 | 161.645.772.217 | 12,93% |
| Vốn chủ sở hữu | 613.306.159.797 | 622.181.266.169 | 1,45% |

Tài sản

Trong năm 2017, tổng tài sản của Công ty tăng 13,39% so với năm trước, nguyên nhân đến từ cả tài sản ngắn hạn và dài hạn. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 33,04% với giá trị đạt được là 297,68 tỷ đồng, chủ yếu do khoản phải thu khách hàng ngắn hạn trong năm tăng cao 74,5% với giá trị 55,90 tỷ đồng, bên cạnh đó hàng tồn kho của BSG cũng tăng mạnh 46,07%, tăng từ 29,781 tỷ đồng lên 43,503 tỷ đồng, chủ yếu đến từ hàng đi đường, tồn kho nguyên vật liệu và thành phẩm. Trong khi đó, tài sản dài hạn lại có sự gia tăng không đáng kể 6,3%, đạt mức 659,143 tỷ đồng khi tài sản cố định trong kỳ của BSG chủ yếu là phương tiện vận tải đã tăng lên do việc thực hiện các kế hoạch đầu tư.

Nợ phải trả và nguồn vốn

Nợ ngắn hạn của Công ty tăng đáng kể 97,92%, đạt mức 172,99 tỷ đồng, nguyên nhân chính dẫn đến Sự biến động này chủ yếu do sự tăng khoản phải trả Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV và phải trả CTCP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn, cùng các nhà cung cấp nguyên liệu khác. Bên cạnh đó, khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty cũng tăng lên, nhưng không đáng kể, với giá trị là 40,421 tỷ đồng, điều này cũng góp phần làm nợ ngắn hạn tăng đáng kể.

Tương tự, với việc gia tăng các khoản vay dài hạn ngân hàng phục vụ cho việc đầu tư các phương tiện vận tải đã làm nợ dài hạn tăng lên đáng kể trong kỳ, đạt mức 151,6 tỷ đồng. Như vậy, do sự tăng lên đồng thời của nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đã làm nợ phải trả Công ty tăng đến 45,15% so với kỳ hoạt động trước, đạt mức 334,64 tỷ đồng.

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện | Kế hoạch 2017 | Thực hiện | Tỷ lệ % |
|----------------------------|------------|------------|---------------|-----------|------------|
| | | 19/08/2016 | | 2017 | TH/KH 2017 |
| | | Đến | | | |
| | | 31/12/2016 | | | |
| Tổng Doanh thu | Triệu đồng | | 610.440 | 584.843 | 95,81% |
| Vốn điều lệ | Triệu đồng | 594.387 | 600.000 | 600.000 | 100,00% |
| Lỗ lãi do thanh lý tài sản | Triệu đồng | - | (Chưa dự trù) | (9.459) | - |
| Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 2.503 | 10.897 | 3.969 | 36,42% |
| LNST/Doanh thu thuần | % | 1,23% | 1,93% | 0,70% | 36,27% |
| LNST/Vốn điều lệ | % | 0,42% | 1,82% | 0,66% | 36,26% |





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động xe buýt

Thuận lợi:

- ✓ Từ tháng 8/2016 Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, cơ chế quản lý của Công ty năng động, linh hoạt hơn, bộ máy quản lý của Công ty được bố trí đơn giản, gọn nhẹ.
 - ✓ Công ty có được nguồn vốn lớn từ bên ngoài sau quá trình cổ phần hóa, tạo điều kiện để triển khai các dự án đầu tư phương tiện và bến bãi.
 - ✓ Ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ và người lao động được nâng lên là điều kiện để Công ty triển khai các giải pháp tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí sản xuất.
 - ✓ Việc tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh và ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, điều hành luôn được sự ủng hộ và thống nhất cao của tập thể người lao động Công ty.
- **Trong năm 2017, hoạt động xe buýt của Công ty gặp rất nhiều khó khăn:**
- ✓ Mạng lưới tuyến buýt của thành phố hiện nay chưa có quy hoạch chính thức, thiếu các bãi hậu cần, các bãi kỹ thuật, bến trung chuyển, cơ sở hạ tầng của các tuyến buýt (trụ dừng, nhà chờ, ô sơn, biển treo, thông tin tuyến...) còn thiếu cho công tác vận hành của các đơn vị vận tải.
 - ✓ Tình trạng kẹt xe, ùn tắc giao thông thường xuyên diễn ra gây trễ giờ, mất chuyến. Sản lượng hành khách hoạt động xe buýt của toàn mạng trên đã giảm sút.



- ✓ Nguồn doanh thu từ trợ giá cho hoạt động buýt luôn chiếm tỷ trọng lớn trong Tổng doanh thu của Công ty, nhưng tình hình trợ giá hàng năm thường không ổn định, biến động không theo quy luật và còn phụ thuộc nhiều vào những quyết định mang tính thời điểm của các cơ quan quản lý nhà nước, điều này làm ảnh hưởng đến tính ổn định đối với hoạt động của Công ty. Trong năm 2017, trợ giá toàn mạng bị cắt giảm 200 tỷ đồng làm cho doanh thu trợ giá của Công ty bị giảm. Bên cạnh đó, Đơn giá chi phí mới cho hoạt động buýt được xây dựng từ năm 2014 đến nay vẫn chưa được các Sở Ban ngành xem xét phê duyệt và áp dụng gây nhiều khó khăn cho hoạt động buýt của Công ty.
- ✓ Từ năm 2017, Sở GTVT đã ngưng toàn bộ trợ giá đối với loại hình đưa rước khách công nhân. Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc phát triển thêm khách hàng.
- ✓ Do sự phát triển của các dịch vụ Uber, Grab với tính chất công việc linh hoạt về thời gian và thu nhập khá, việc tuyển dụng và giữ chân lái xe buýt của Công ty nói riêng và của hệ thống xe buýt nói chung đang gặp rất nhiều khó khăn. Công ty đã thực hiện tăng lương bình quân trong tháng lên nhưng vẫn chưa thu hút được lái xe vì mức thu nhập này vẫn chưa tương xứng với tính chất công việc rất nặng nhọc.
- ✓ Khi cổ phần hóa Công ty đã thực hiện tái cơ cấu lại nhận sự các phòng ban, xí nghiệp nhưng cơ chế quản trị vẫn còn nhiều bất cập chưa kịp thời thích ứng với mô hình Công ty Cổ phần; Các tài sản của Công ty đã hết khấu hao được định giá lại làm phát sinh chi phí. Từ đó làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty.
- ✓ Theo quy định hiện nay, việc nâng cấp và cải tạo xe khách không được phép. Bên cạnh đó, từ năm 2018 việc đầu tư mới phương tiện phải đạt tiêu chuẩn khí thải từ Euro IV trở lên. Vì vậy, việc thanh lý xe cũ của Công ty gặp nhiều khó khăn và giá thanh lý thấp hơn rất nhiều so với giá trị còn lại của xe.
- ✓ Hoạt động buýt không trợ giá, tuyển liên vận quốc tế Việt Nam – Campuchia, thuê xe hợp đồng, trung tâm dạy nghề hiệu quả đạt được chưa cao do chất lượng phương tiện đã cũ xuống cấp, tình trạng hoạt động bất ổn ở các đầu bến như Đại Nam, Mộc Bài, sự cạnh tranh không lành mạnh từ các đơn vị khác..
- ✓ Bên cạnh những nguyên nhân khách quan còn có những nguyên nhân chủ quan do ý thức chấp hành kỷ luật, nội quy công ty của một bộ phận lái xe, tiếp viên còn hạn chế, có những thái độ, hành vi ứng xử chưa chuẩn mực, ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của Công ty.





Bên cạnh những khó khăn có thể gặp phải của ngành vận tải hành khách thì Sở giao thông Vận tải mới đây đã thực hiện chủ trương thay mới hàng loạt các xe buýt cũ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và đã thay mới được 60% xe buýt cũ trên địa bàn, điều này nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Cụ thể, với việc đổi mới này đã thu hút được nhiều khách hàng đi lại hơn trong năm 2017, đạt khoảng 306 triệu lượt, tăng gần 6% so với năm 2016 và đã vượt 1% so với kế hoạch mà sở đã đặt ra. Số lượng người dân sử dụng phương tiện xe buýt ngày càng tăng là cơ hội cho sự phát triển ngành vận tải hành khách công cộng nói chung và cho SaiGon Bus nói riêng.

Ngoài ra, với việc đổi mới diện mạo xe và thay thế nhiên liệu sử dụng từ dầu DO sang sử dụng nhiên liệu CNG đã giúp cho SaiGon Bus tiết kiệm thêm được chi phí nhiên liệu sử dụng khi giá khí CNG chỉ bằng 60% giá dầu DO, đồng thời giảm thải được 20% lượng khí CO2 thoát ra môi trường, không bị ô nhiễm môi trường.

Với việc triển khai các giải pháp đầu tư đổi mới phương tiện, ứng dụng giải pháp khoa học công nghệ tiên tiến đã giúp BSG nâng cao được dịch vụ sản phẩm, tăng thu nhập từ cung cấp dịch vụ. Đồng thời, tiết kiệm được chi phí nhiên liệu và giảm được ô nhiễm môi trường





Hoạt động đưa rước công nhân

Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế đang trên đà phục hồi nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, cùng với đó là có nhiều đối thủ cạnh tranh cần quan tâm nên các doanh nghiệp đang muốn tiết kiệm chi phí. Mặc dù đã được trợ giá nhưng chi phí đi lại cho hành khách vẫn chiếm một phần chi phí của doanh nghiệp dẫn đến giảm thu nhập, nên tỷ lệ sử dụng dịch vụ đưa rước của Công ty không được cao.

Ngoài ra, trong năm 2017 theo báo cáo từ Sở GTVT thì hoạt động đưa rước công nhân sẽ ngưng hỗ trợ giá. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc duy trì các khách hàng cũ và tìm kiếm thêm những khách hàng mới.

2

Hoạt động kinh doanh vé máy bay

Để đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ từ tháng 06/2015 Công ty cũng đã thành lập Phòng Kinh doanh vé máy bay để khai thác nguồn lực, tăng doanh thu cho công ty. BSG là đại lý chính thức, đại lý cấp 1 của các hãng hàng không: Airlines, Vietjet Air, Jestar Pacific và trên các hãng hàng không quốc tế: Air France, American Airline, All Nippon Airways, Asiana Airlines, Cathay Pacific, China Airlines, Emirates, Etihad Airways, Japan Airlines, Korean Airlines, Qatar Airways, Singapore Airlines, Thai Airways, Turkish Airways... đáp ứng đầy đủ nhu cầu của du khách khi muốn đi công tác, tham quan, mua sắm, nghỉ dưỡng, giải trí...trong và ngoài nước.

Hoạt động cho thuê xe hợp đồng

Với mục tiêu nhằm tăng lợi nhuận nên ngoài số lượng phương tiện kinh doanh hợp đồng, Công ty chủ trương linh hoạt kết hợp sử dụng các xe đưa rước công nhân vào giữa giờ, các ngày nghỉ, để phục vụ cho hoạt động này. Hoạt động kinh doanh xe hợp đồng đã và đang tận dụng được năng lực của đoàn phương tiện hiện có từ đó tăng doanh thu. Ngoài ra, Công ty luôn cung cấp đầy đủ các loại xe du lịch đời mới từ 4 đến 50 chỗ ngồi với đầy đủ tiện nghi, mang phong cách hiện đại; cung cấp dịch vụ tận tình, chu đáo và giá cả hợp lý chắc chắn luôn làm hài lòng cho khách hàng.

Hoạt động du lịch lữ hành

Doanh thu chính của BSG đến từ doanh thu cung cấp dịch vụ, trong đó hoạt động hiệu quả nhất và có nguồn thu cao là loại hình kinh doanh du lịch lữ hành, nên trong năm 2017, Công ty vẫn tiếp tục tập trung triển khai đẩy mạnh hoạt động này.

Phòng Du lịch – Lữ hành được thành lập từ tháng 05/2015 đã làm tốt việc tập trung nâng cao uy tín thương hiệu du lịch của Công ty, phát triển thị phần, bước đầu đã dẫn khăng định thương hiệu Saigon M.I.C.E trên thị trường du lịch.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2017, Công ty vẫn tiếp tục các hoạt động với cơ cấu tổ chức và các chính sách quản lý đã đặt ra, luôn xem xét và cân nhắc cải tiến khi cần thiết để có thể duy trì, phát triển các hoạt động kinh doanh hiệu quả nhất. Dù mới chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty trách nhiệm hữu hạn sang Công ty cổ phần trong hai năm qua, nhưng đây cũng được xem là một trong những cơ hội cho BSG cải tiến về cơ cấu tổ chức và quản lý, đồng thời làm tăng cơ hội và có nhiều phương án cho Công ty huy động vốn cho các kế hoạch kinh doanh so với trước đây.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dự báo tình hình kinh tế trong năm 2018 sắp tới, có xu hướng tăng trưởng tích cực, nền kinh tế dần được hồi phục và đi vào phát triển ổn định.

Công ty luôn đẩy mạnh các phương án hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ sản phẩm, nhằm thu hút thêm nhiều khách hàng mới và tiếp tục giữ vững khách hàng cũ. Vì hiện nay, các hoạt động Vận tải dịch vụ - lữ hành có rất nhiều đối thủ cạnh tranh gay gắt. Nên BSG phải tăng cường cải tiến cách sản phẩm dịch vụ của mình để phù hợp với nhiều khách hàng.

Trong năm 2018, tình hình hoạt động buýt có trợ giá ngày càng khó khăn, trợ giá năm sau giảm hơn năm trước. Trước tình hình đó, Công ty cần đẩy mạnh phát triển các dịch vụ hỗ trợ để tăng doanh thu lợi nhuận. Đẩy mạnh hoạt động đầu tư xây dựng các bãi đậu xe cao tầng kết hợp với kinh doanh dịch vụ thương mại có nhiều cơ hội thuận lợi để triển khai khi thành phố được trao cơ chế đặc thù theo tinh thần Nghị quyết 54 của Quốc Hội.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018

Tổng Doanh thu: 614,668 tỷ đồng. (Tăng 5,5 % so với ước thực hiện năm 2017)

Lợi nhuận trước thuế: 16,779 tỷ đồng. (Tăng 16% so với ước thực hiện năm 2017)

*Ghi chú: Lợi nhuận sau thuế chưa bao gồm khoản lỗ do thanh lý phương tiện vận tải

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có





NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

✓ Về cơ cấu đầu tư

- ✓ Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư đổi mới phương tiện và đầu tư xây dựng các bãi đậu xe cao tầng kết hợp với các dịch vụ thương mại tại các bãi xe của Công ty, cụ thể:
 - Về đầu tư phương tiện: Trong năm 2018, Công ty tiếp tục đầu tư đổi mới phương tiện trên các tuyến còn lại. Đồng thời, Công ty tiếp tục đầu tư phương tiện mới cho hoạt động đưa rước công nhân, du lịch lữ hành và tuyến liên vận quốc tế Campuchia.
 - Về đầu tư bến bãi: Hoàn tất công tác chuẩn bị để triển khai đầu tư bãi đậu xe 592 Cộng Hòa.

SUCCESS

➤ Về hoạt động xe buýt

- ✓ Tăng cường công tác phát triển, mở rộng thị phần hoạt động dịch vụ đưa đón công nhân viên, nghiên cứu phát triển thị trường vận tải ra các tỉnh, mở rộng mạng lưới, phát triển các ngành nghề dịch vụ hỗ trợ.
- ✓ Rà soát, điều chỉnh lại hoạt động của các tuyến theo từng thời điểm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua các công tác điều chỉnh biểu đồ giờ, đề xuất điều chỉnh lộ trình tuyến cho phù hợp.
- ✓ Hoàn thiện các đề án ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và thu hút người dân tham gia đi lại bằng xe buýt; trong đó tập trung triển khai có hiệu quả hệ thống bán vé tự động làm cơ sở triển khai mở rộng cho toàn mạng theo chỉ đạo của Sở GTVT để tiến tới việc không sử dụng nhân viên điều hành đầu bến, doanh thu qua phần mềm trực tuyến và thực hiện lệnh vận chuyển điện tử thay thế lệnh chuyển bằng giấy như hiện nay.

➤ Về hoạt động dịch vụ

- ✓ Cùng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ. Chú trọng đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thu hút và mở rộng thị phần đối tượng khách hàng trung, cao cấp trên lĩnh vực đưa rước công nhân, liên vận quốc tế.
- ✓ Tập trung đẩy mạnh và phát triển thương hiệu có uy tín trên lĩnh vực kinh doanh du lịch lữ hành và bán vé máy bay
- ✓ Mở rộng các loại hình kinh doanh dịch vụ thương mại để giảm dần sự lệ thuộc vào trợ giá cho xe buýt của Nhà nước.
- ✓ Tổ chức lại mô hình kinh doanh dịch vụ, xem xét chuyển đổi loại hình kinh doanh sản xuất đóng mới xe, đóng mới toa xe,... thành mô hình xí nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo trì, sửa chữa, mua bán xe và linh kiện phụ tùng.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



5

- ✓ **Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty**
- ✓ **Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**
- ✓ **Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị**



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Là một Công ty mới hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần năm 2016, nhưng trong năm nay cho thấy BSG đã cố gắng đạt được những chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng giao phó, Ban Điều hành đương nhiệm đã tích cực triển khai thực hiện, phối hợp với Hội đồng quản trị để có được sự đồng bộ trong công tác quản lý và điều hành. Mặc dù còn nhiều khó khăn khiến kết quả doanh thu không đạt so với kế hoạch, nhưng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đang được kiểm soát ổn định.

Hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành, bán vé máy bay, đào tạo dạy nghề có bước tăng trưởng tốt, nhiều tiềm năng của Công ty đang từng bước được khai thác tốt góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 và những năm sắp tới.

Hội đồng quản trị đã phối hợp tốt cùng với Ban giám đốc để nghiên cứu đầu tư vào những lĩnh vực mới nhằm đem đến sự tăng trưởng bền vững của Công ty. Các khoản doanh thu và chi phí trong quá trình hoạt động đều rõ ràng, minh bạch và đúng theo quy định hiện hành. Việc chăm lo cho người lao động cũng được SaigonBus thực hiện tốt góp phần giữ vững tiến độ và luôn cố gắng để hoàn thành kế hoạch đã đề ra trong năm năm 2017.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát ban điều hành Công ty thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Thực hiện các chiến lược quản lý vốn, tài sản; kiểm tra, kiểm soát nội bộ; quản lý chi phí và phân tích hoạt động kinh tế Đánh giá, dự báo, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh từng tháng để HĐQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời xử lý những vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đúng quy định và điều lệ Công ty. Đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cung cấp các sản phẩm cũng như các dịch vụ tốt cho khách hàng. Đồng thời, luôn thực hiện Công bố thông tin đầy đủ cho Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định.

Thuận lợi

Với đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp cùng với người lãnh đạo có trình độ năng lực cao, nhiều kinh nghiệm trong quá trình điều hành đã đặt lợi ích của Công ty, của tập thể lên hàng đầu, luôn phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty. Điều này đã giúp cho BSG luôn định hướng tốt cho sự phát triển của Công ty và đạt được hiệu quả kinh doanh tốt trong quá trình hoạt động. Đồng thời, với việc luôn áp dụng tốt các công nghệ hiện đại trong quá trình quản lý, điều hành đã giúp cho Công ty hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

Khó khăn

Hiện nay trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh các khoản mục chi phí trong định mức kinh tế kỹ thuật đối với hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh được ban hành tại Quyết định số 76/2009/QĐ-UBND ngày 16/10/2009 của UBND được ban hành tại Quyết định số 76/2009/QĐ-UBND ngày 16/10/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh có những phát sinh và thay đổi theo xu hướng tăng lên nhưng các công tác điều chỉnh, cập nhật chưa thực hiện kịp thời.

Công ty luôn áp dụng các công nghệ vào lĩnh vực vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nhưng vẫn còn gặp một số khó khăn. Đồng thời, quá trình triển khai đầu tư còn gặp nhiều vướng mắc do chưa có các chính sách ưu đãi về đầu tư việc huy động vốn và giải quyết lao động dôi dư cũng đang gặp rất nhiều khó khăn, ngoài ra các quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về thiết bị công nghệ vẫn chưa có những quy định cụ thể.

Do thu nhập cho tài xế lái xe còn chưa cao chưa tương xứng với cường độ lao động nặng nhọc, nhiều rủi ro nên tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề thường xuyên diễn ra, công tác tuyển dụng lái xe buýt gặp nhiều khó khăn.

Hiện nay cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng đang còn hạn chế, trên địa bàn TP.HCM hiện có khoảng hàng ngàn phương tiện tham gia hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nhưng chỉ có khoảng vài chục vị trí điểm đầu điểm cuối để đậu xe

Việc lưu đậu quá nhiều trên lòng lề đường đã làm ảnh hưởng đến giao thông đi lại và mỹ quan đô thị. Biết vậy, nhưng tìm được "nhà" cho xe buýt lưu đậu ổn định lại không dễ dàng. Ngoài ra, mạng lưới tuyến xe buýt của thành phố hiện nay chưa có quy hoạch chính thức, có nhiều chuyển trùng lặp lộ trình. Đặc biệt, tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh của các hãng xe, xe dù, xe cóc,... vẫn còn đang tiếp diễn, điều này làm giảm đi sản lượng cũng như doanh thu từ các hoạt động kinh doanh du lịch và kinh doanh vận tải hành khách.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Với những kết quả đạt được trong năm qua, Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực phối hợp thực hiện chắc chắn, hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty được thực hiện một cách tốt nhất, đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông theo kế hoạch đề ra. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc.

Ban Giám đốc Công ty đã thường xuyên, liên tục kiểm tra các hoạt động về công tác tài chính, kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị trực thuộc. Đồng thời, xây dựng các kế hoạch kinh doanh, kiểm soát các chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Luôn kiểm tra về chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đồng thời đánh giá năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, kiểm tra năng suất và kết quả kinh doanh. Luôn thực hiện tốt các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.

Mặc dù, trong năm qua tình hình hoạt động của Công ty chưa đạt cao so với năm trước, nhưng Ban Tổng giám đốc vẫn thực hiện đúng với các điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định liên quan. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ của mình trong các công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty đúng với tinh thần mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã định hướng. Công ty mới chuyển qua Công ty cổ phần hóa, do đó các kế hoạch về cơ cấu và điều hành của BSG sẽ gặp một chút khó khăn hơn, do đó Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục phát huy được tinh thần trách nhiệm, duy trì được sự nhiệt huyết trong công tác điều hành từ đó giúp công ty chinh phục những thành công mới trong quá trình hoạt động của mình.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



* Các giải pháp về cơ cấu tổ chức – chế độ tiền lương

- Chú trọng xây dựng và thực hiện các chiến lược để đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức các lớp đào tạo thêm cho các cán bộ CNV trong Công ty, phát triển để bổ sung cho đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty.
- Xây dựng các phần mềm quản lý nguồn nhân sự, kế toán và quản lý Công ty để giúp cho việc quản lý, điều hành được thuận tiện, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí. Đồng thời, cơ cấu lại các lĩnh vực hoạt động về quản trị nhân sự, xây dựng và triển khai quy chế quản lý công việc.

* Các giải pháp về công nghệ:

- Triển khai các ứng dụng hệ thống phần mềm trong quá trình hoạt động như quản lý bán vé máy bay hay các hoạt động dịch vụ du lịch của Công ty và các hệ thống điều hành của BSG..., đẩy mạnh các tiến bộ về công nghệ vào công tác quản lý và điều hành sản xuất để nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Nâng cấp các trang thông tin điện tử (website) của Công ty để khách hàng dễ dàng truy cập và sử dụng, cập nhập thêm nhiều thông tin mới nhất về sản phẩm - dịch vụ. Ngoài ra, lắp đặt các hệ thống in vé online trên các tuyến xe buýt của Công ty.



* Các giải pháp tăng doanh thu – tiết kiệm chi phí:

Luôn tăng cường thực hiện các quản lý và thắt chặt nguồn tài chính, tiết kiệm các chi phí quản lý, kiểm soát chặt chẽ các chi phí sản xuất. Kiểm tra, rà soát các tuyến đường và điều chỉnh biểu đồ giờ, đồng thời sắp xếp bố trí lại các phương tiện vận chuyển một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

* Các giải pháp về Đầu tư - Phát triển thị trường:

- Thực hiện đầu tư nâng cấp đoàn phương tiện hiện có để tập trung phát triển loại hình đưa rước công nhân, liên vận quốc tế, du lịch lữ hành.
- Thực hiện và đẩy nhanh các dự án bãi đậu xe cao tầng, đồng thời tập trung đẩy mạnh phát triển du lịch lữ hành trong và ngoài nước, ngày càng xây dựng một thương hiệu uy tín cho khách hàng.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



6



GIÁ TRỊ KINH TẾ



Một doanh nghiệp về cơ bản cần đạt được mục tiêu kinh tế của mình để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và tạo công việc ổn định cho người lao động và đóng góp cho ngân sách nhà nước. Công ty Cổ phần Cổ phần Xe khách Sài Gòn hoạt động với nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ về tài chính khác của công ty trong phạm vi số vốn mình đã góp vào công ty. Tạo công việc ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế của Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh lân cận như Bình Dương, Tây Ninh và cả nước.

Ngay từ thời điểm thành lập cho đến nay, SaigonBus luôn cố gắng thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Những năm gần đây, Công ty luôn hoàn thành tốt các kế hoạch, Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn đồng lòng cùng nhau hoạt động vì mục tiêu kinh tế chung đã được Đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị giao phó nhờ đó góp phần tạo công việc ổn định cho người lao động, lợi ích kinh tế cho cổ đông, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước.

BSG luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật, sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế Công ty sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông theo kết quả sản xuất kinh doanh, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và luôn đảm bảo giá trị kinh tế mang lại cho cổ đông hàng năm. Công ty luôn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Tỷ lệ cổ tức sẽ căn cứ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật. Cho đến nay những thành công có được của Công ty đều nhờ các chiến lược kinh doanh phù hợp, nắm bắt được nhu cầu kịp thời và đón đầu xu hướng, duy trì sự ổn định về chất lượng phục vụ, đội ngũ nhân viên năng động, chuyên nghiệp, cũng như không ngừng gia tăng dịch vụ sử dụng, đảm bảo sự chăm sóc tận tình đến khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty.

| Tiêu chí | Giá trị mang lại trong năm 2017 |
|-------------------|---|
| Kết quả hoạt động | Doanh thu thuần: 564,447 tỷ đồng; LNST: 3,969 tỷ đồng |
| Nộp ngân sách | Tổng khoản nộp ngân sách bằng 10,033 tỷ đồng |
| Người lao động | Mức lương bình quân 2017: 9,55 triệu đồng/người/tháng |





VỀ MÔI TRƯỜNG – NĂNG LƯỢNG

Hoạt động chính của BSG là trong ngành vận tải. Các hoạt động của công ty ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường xung quanh. Nhận thức rõ về vấn đề này, trong những năm qua, chiến lược phát triển của công ty luôn đi kèm với tình hình nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ, nhằm giảm thiểu tối đa tác động từ các hoạt động của công ty đến môi trường và giúp cải thiện và duy trì môi trường sống trong lành.

Hành động:

Đưa vào sử dụng phương tiện vận tải "xanh" (năm 2011):

Saigonbus cũng là doanh nghiệp đi tiên phong của thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung trong việc sử dụng phương tiện vận tải "Xanh" để bảo vệ môi trường không khí cho thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2011, Sở Giao thông vận tải phối hợp với Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn đưa 21 xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch CNG mới vào hoạt động tuyến xe Xanh: Chợ Bến Thành – Bến xe Chợ Lớn.

Về vấn đề tiêu thụ năng lượng làm ảnh hưởng đến môi trường:

BSG là Công ty chuyên về vận tải nên năng lượng được Công ty sử dụng chủ yếu là nguồn điện, nước và dầu khí. Trong đó, nước được Công ty mua từ Công ty cấp nước Chợ Lớn, mức tiêu thụ khá cao, ngoài ra BSG còn sử dụng nguồn nước ngầm từ giếng khoan. Do ý thức được việc bảo vệ môi trường nên BSG luôn chủ động theo dõi đánh giá tác động của những nguồn năng lượng này đến môi trường nhằm bảo vệ môi trường và kiểm soát được chi phí hoạt động. Ngoài ra, trong những kế hoạch hoạt động của mình, BSG luôn chú ý đến việc tiêu thụ các nguồn năng lượng này nhằm có sự tính toán đúng đắn cho các chi phí hoạt động từ đó góp phần tích cực trong việc nâng cao kết quả kinh doanh, bảo tồn và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên quốc gia. Công ty chưa từng bị phạt do luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định liên quan đến môi trường hiện nay.

Bên cạnh việc bảo vệ môi trường, Công ty luôn có kế hoạch sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu lượng năng lượng thải ra môi trường thông qua việc thường xuyên bảo trì máy móc thiết bị, thay mới xe cũ, đầu tư dàn xe mới theo tiêu chuẩn ngành số 22TCN307-03 của Bộ GTVT ban hành ngày 10/07/2003. Với những cải tạo dựa trên cơ sở Chassis nền của các hãng Mercedes (Đức), Hino, Isuzu (nhật), Yuchai (Trung Quốc)...

ĐỐI VỚI CÁC CÁN BỘ NHÂN VIÊN, KHÁCH HÀNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Cán bộ nhân viên Công ty

BSG đã và đang tạo được việc làm ổn định cho CB.CNV của mình và cho người lao động tại địa bàn tỉnh TP. Hồ Chí Minh nói riêng và người lao động cả nước nói chung. Đảm bảo cho người lao động có được môi trường làm việc an toàn, khỏe mạnh, có được tinh thần thoải mái sau một ngày làm việc. Tạo điều kiện khuyến khích nhân viên làm việc tích cực, qua đó phát hiện đào tạo, bồi dưỡng để tạo ra một đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt công việc và đảm bảo được mục tiêu mà Công ty đưa ra. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Kết quả là thu nhập bình quân của CB.CNV trong những năm gần đây được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, tinh thần gắn bó với doanh nghiệp được nâng cao. Ngoài ra, Công ty luôn chú trọng không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ để có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng cao của khách hàng.

Khách hàng

Công ty không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng. Trong những năm qua, công tác này có những điểm nổi bật như sau:

Hệ thống giám sát hành trình (năm 2012):

- Lưu trữ dữ liệu hành trình GPS của gần 700 xe đang gắn thiết bị GPS.
- Thực hiện truyền dữ liệu GPS về Tổng Cục Đường Bộ, Trung tâm Quản lý điều hành hành khách công cộng theo yêu cầu từ các cơ quan quản lý.
- Có các chức năng cảnh báo, báo cáo vi phạm nhằm phục vụ nhanh chóng công tác kiểm tra, giám sát khi có phản ánh, vi phạm từ các xe.
- Trung tâm điều hành trực tuyến theo dõi GPS của 28 tuyến Buýt, 64 tuyến Đưa rước và các xe đi Campuchia, hợp đồng trực tuyến 24/7.



Đào tạo, nâng cao chất lượng của tài xế trên cơ sở trách nhiệm với cộng đồng:

Với hoạt động của Công ty là vận tải hành khách nên mục tiêu an toàn giao thông là trên hết và luôn được BSG đặt lên hàng đầu. Do đó, Công ty thường xuyên cho tập huấn và rèn luyện cho các tài xế nâng cao chất lượng tay nghề, ý thức và đảm bảo tính mạng cho khách hàng và mọi người khi tham gia giao thông. Đồng thời, tổ chức các lớp tập huấn về những quy định của pháp luật về luật an toàn giao thông.

Bên cạnh đó, trong những năm qua, Công ty đã tham gia rất nhiều hoạt động cộng đồng thiết thực, chung tay cùng tình nhà và các tổ chức khác giúp đỡ những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ quyền góp tiền cho người nghèo ở địa phương, đóng góp ủng hộ người gặp lũ lụt. Tổ chức các chương trình từ thiện hỗ trợ nhân đạo về vật chất lẫn tinh thần cho bà con, những người nghèo, người có hoàn cảnh neo đơn nhằm thực hiện tốt và ý nghĩa các trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với xã hội.

Phần mềm hỗ trợ người dân đi xe buýt (năm 2014):

- Nhằm khuyến khích và tạo điều kiện để người dân dễ dàng sử dụng dịch vụ vận tải buýt thành phố Hồ Chí Minh, đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty đã nghiên cứu và phối hợp với đối tác phát triển phần mềm hỗ trợ người dân đi xe buýt với các tính năng như sau:
- Xem thông tin về tuyến buýt: Lộ trình, trạm dừng, cự ly tuyến, thời gian hoạt động, thời gian giãn cách, số chuyến, loại phương tiện.
- Xem bản đồ tuyến và dữ liệu xe trực tuyến: Xem trực quan lộ trình tuyến trên bản đồ số, xem thông tin hoạt động của phương tiện trên tuyến, tính toán và xác định thời gian xe đến trạm dừng.





8

QUẢN TRỊ CÔNG TY



- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích





HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện nay Công ty không thành lập tiểu ban hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã có 3 cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ |
|-----|----------------------|------------|---------------------------------|---------------------|-------|
| 1 | Ông Nguyễn Hồng Anh | Chủ tịch | 28/07/2016 | 09/09 | 100% |
| 2 | Ông Đoàn Minh Tâm | Thành viên | 28/07/2016 | 09/09 | 100% |
| 3 | Ông Trần Ngọc Dân | Thành viên | 28/07/2016 | 09/09 | 100% |
| 4 | Ông Nguyễn Tuấn Việt | Thành viên | 28/07/2016 | 09/09 | 100% |
| 5 | Ông Nguyễn Hồ Minh | Thành viên | 28/07/2016 | 09/09 | 100% |
| 6 | Ông Hoàng Quốc Hội | Thành viên | 28/07/2016 | 09/09 | 100% |
| 7 | Ông Trần Lâm | Thành viên | 28/07/2016 | 09/09 | 100% |

(*) Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tiến hành 03 phiên họp định kỳ và 06 phiên tổ chức lấy ý kiến với tổng số 28 Nghị quyết, Quyết định.

Hội đồng quản trị thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các Nghị quyết, chủ trương của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị.

Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Tổng Giám đốc cùng các Giám đốc điều hành đã chủ động trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch SXKD, đảm bảo việc thực hiện theo đúng kế hoạch mà Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2017 đã đề ra.

Trong năm Công ty có các nghị quyết sau:

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|--|
| 1 | 01A/QĐ- HĐQT/SGB | 10/01/2017 | Về điều chỉnh chức năng khai thác và chỉ tiêu quy hoạch đối với khu đất số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11. |
| 2 | 01/QĐ- HĐQT/SGB | 14/04/2017 | Về giảm giá bán tài sản thanh lý: giảm giá bán 20% so với giá đã đăng báo công khai lần 1 đối với lô tài sản là 64 xe và lô tài sản là máy móc thiết bị. |
| 3 | 02/QĐ- HĐQT/SGB | 08/05/2017 | Về thực hiện các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tất cả các khu đất của Công ty. |
| 4 | 03/QĐ- HĐQT/SGB | 08/05/2017 | Về thuê tư vấn thẩm định giá căn hộ của hộ lưu cư tại khu đất số 500 Nguyễn Đình Chiểu – Phường 4 – Quận 3. |
| 5 | 04/QĐ- HĐQT/SGB | 08/05/2017 | Về hủy bỏ chi nhánh Công ty - Trung tâm dịch vụ vận tải và du lịch Sapaco |
| 6 | 05/NQ- HĐQT/SGB | 08/05/2017 | Về thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận và mức cổ tức năm 2016. |
| 7 | 06/NQ- HĐQT/SGB | 08/05/2017 | Về kế hoạch đầu tư phương tiện cho hoạt động vận tải buýt năm 2017. |
| 8 | 07/NQ- HĐQT/SGB | 08/05/2017 | Về kế hoạch đầu tư phương tiện cho hoạt động vận tải buýt năm 2017. |
| 9 | 08/NQ- HĐQT/SGB | 08/05/2017 | Về kế hoạch đầu tư phương tiện cho hoạt động dịch vụ năm 2017. |
| 10 | 09/NQ- HĐQT/SGB | 08/05/2017 | Về kế hoạch đầu tư phương tiện cho hoạt động đưa rước công nhân viên năm 2017. |
| 11 | 10/NQ- HĐQT/SGB | 08/05/2017 | Về kế hoạch đầu tư dự án bến bãi năm 2017. |
| 12 | 11/NQ- HĐQT/SGB | 08/05/2017 | Về kế hoạch đầu tư dự án bến bãi năm 2017. |
| 13 | 12/NQ- HĐQT/SGB | 08/05/2017 | Về thanh lý phương tiện. |



| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------------|--|
| 14 | 13/NQ- HDQT/SGB | 08/05/2017 | Về lương, thù lao Ban Điều Hành, Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát Công ty năm 2016. |
| 15 | 14/NQ- HDQT/SGB | 08/05/2017 | Về kế hoạch tiền lương, thù lao Ban Điều Hành, Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát Công ty năm 2017. |
| 16 | 15/NQ- HDQT/SGB | 08/05/2017 | Về thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. |
| 17 | 16/NQ- HDQT/SGB | 12/05/2017 | Về thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. |
| 18 | 17/NQ- HDQT/SGB | 12/05/2017 | Về mức cổ tức dự kiến năm 2017. |
| 19 | 18/QĐ- HDQT/SGB | 25/05/2017 | Về giao Tổng Giám Đốc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. |
| 20 | 19/QĐ- HDQT/SGB | 25/05/2017 | Về giao Tổng Giám Đốc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phương tiện năm 2017. |
| 21 | 20/QĐ- HDQT/SGB | 25/05/2017 | Về giao Tổng Giám Đốc triển khai thực hiện phương án trả lương, thù lao cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát Công ty và ký kết hợp đồng kiểm toán năm 2017. |
| 22 | 21/QĐ- HDQT/SGB | 25/05/2017 | Về giao Ông Trần Ngọc Dân chủ trì triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư các dự án bến bãi . |
| 23 | 21A/QĐ-HDQT/SGB | 25/05/2017 | Về việc thông qua 03 phương án đầu tư xây dựng bãi đậu xe tĩnh cao tầng kết hợp các loại hình khác tại khu đất 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11 |
| 24 | 22 /QĐ- HDQT/SGB | 24/07/2017 | Về ban hành Quy chế chuyển xếp và áp dụng thang bảng lương dùng để đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc và chi trả các chế độ cho Cán bộ, công nhân viên Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn. |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------------|--|
| 25 | 23 /QĐ- HDQT/SGB | 30/10/2017 | Về thành lập Tổ công tác triển khai dự án xây dựng các bãi xe của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn . |
| 26 | 24 /QĐ- HDQT/SGB | 30/10/2017 | Về lựa chọn hình thức mua sắm, chủng loại phương tiện và đơn vị cung cấp trong việc thực hiện đầu tư phương tiện cho hoạt động buýt, hoạt động đưa rước công nhân và dịch vụ của Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn. |
| 27 | 25 /QĐ- HDQT/SGB | 30/10/2017 | Về ban hành Quy chế trả lương theo sản phẩm của Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn. |
| 28 | 26 /QĐ- HDQT/SGB | 22/12/2017 | Về thay đổi phương thức hợp tác kinh doanh tại cửa hàng xăng dầu 439 Phan Văn Trị, Quận Gò Vấp, TP.HCM. |





HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|-----|---------------------|------------|--------------------------------|-------------------------|-------------------|
| 1 | Ông Nim Vuồn Phu | Trưởng Ban | 28/07/2016 | 02/02 | 100% |
| 2 | Bà Huỳnh Thị Hạnh | Thành viên | 28/07/2016 | 02/02 | 100% |
| 3 | Bà Trần Thị Kim Hòa | Thành viên | 28/07/2016 | 02/02 | 100% |



Năm 2017, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo quy định tại điều lệ Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:

- ✓ Giám sát tính tuân thủ của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- ✓ Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT
- ✓ Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các quy chế, chế độ của Công ty.
- ✓ Thường xuyên kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan của Công ty để bảo đảm việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bảo đảm được quyền, lợi ích hợp pháp của các cổ đông và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của doanh nghiệp.
- ✓ Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, các mức trích thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được đảm bảo theo mức kinh phí đã được thông qua tại Đại hội như sau:

- ✓ Chủ tịch HĐQT: 8 triệu đồng/tháng
- ✓ Thành viên HĐQT: 6 triệu đồng/tháng
- ✓ Trưởng Ban Kiểm soát (Chuyên trách): 25 triệu đồng/tháng
- ✓ Thành viên Ban Kiểm soát: 5 triệu đồng/tháng

| STT | Chức danh | Số lượng người | Đơn vị tính | Mức thù lao | Quý thù lao TH 2017 |
|-------------|-----------------|----------------|-------------------|-------------|---------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 01 | Triệu đồng | 8 | 96 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 06 | Triệu đồng | 6 | 432 |
| 3 | Thư ký HĐQT | 01 | Triệu đồng | 3 | 36 |
| 4 | Trưởng BKS | 01 | Triệu đồng | 25 | 300 |
| 5 | Thành viên BKS | 02 | Triệu đồng | 5 | 120 |
| Tổng | | 11 | Triệu đồng | 47 | 984 |





Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

Thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động cũng như pháp luật hiện hành về quản trị công ty





BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.
Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 1 – 4 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 5 – 6 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 7 – 10 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 11 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 12 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 13 – 45 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 (giấy phép cũ số 4104000165), đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 09 năm 2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 03 tháng 10 năm 2007 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh Cửa hàng mua bán ô tô – Công ty TNHH Một Thành Viên Xe khách Sài Gòn, địa chỉ tại số 01, Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 03 năm 2008 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ địa chỉ cũ: Số 131 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ mới: Số 01 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 10 tháng 06 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 57 tỷ VND lên thành 99 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 03 tháng 10 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 14 tháng 07 năm 2009 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh Cửa hàng mua bán ô tô 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên Xe khách Sài Gòn, địa chỉ tại số 343/20, Tổng Văn Trán, phường 5, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 14 tháng 07 năm 2010 về việc bổ sung thêm 12 địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28 tháng 01 năm 2011 về việc bổ sung thông tin về chi nhánh, và thay đổi một số địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 30 tháng 05 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 99 tỷ VND lên thành 185 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 19 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi một số địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 19 tháng 08 năm 2016 về việc chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty Cổ phần: Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn và tăng vốn điều lệ từ 185 tỷ VND lên thành 600 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 10 tháng 09 năm 2016 về việc thay đổi thông tin điện thoại liên lạc.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) – 39 505 505
- Fax : (028) – 38 546 127

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 13/10/2016, Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 6887/UBCK-GSĐC ngày 13/10/2016.

Ngày 02/11/2016, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và cấp mã chứng khoán cho Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM (HNX) kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2016 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: BSG
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 60.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch theo mệnh giá: 600.000.000.000 VND.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là :

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Nhà hàng);
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đồng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Trong năm tài chính 2017, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đồng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ |
|----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Hồng Anh | Chủ tịch |
| Ông Trần Ngọc Dân | Thành viên |
| Ông Đoàn Minh Tâm | Thành viên |
| Ông Hoàng Quốc Hội | Thành viên |
| Ông Trần Lâm | Thành viên |
| Ông Nguyễn Tuấn Việt | Thành viên |
| Ông Nguyễn Hồ Minh | Thành viên |



Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ |
|---------------------|------------|
| Ông Nim Vuồn Phu | Trưởng ban |
| Bà Huỳnh Thị Hạnh | Thành viên |
| Bà Trần Thị Kim Hòa | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ |
|----------------------|-------------------|
| Ông Đoàn Minh Tâm | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Tuấn Việt | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hồ Minh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Vũ Duy Anh | Phó Tổng Giám đốc |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đoàn Minh Tâm, chức vụ Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



NGUYỄN HỒNG ANH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018





Số: 150/2018/BCKT-HCM.00380

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như được trình bày tại mục 5.5.1 (i) của Thuyết minh báo cáo tài chính, các khoản thu của Trung tâm quản lý giao thông công cộng về phí thu tiền trợ giá xe buýt chưa được ký quyết toán, do đó các khoản phải thu này có thể thay đổi khi có quyết toán chính thức của Trung tâm quản lý giao thông công cộng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

- Như được trình bày tại mục 5.9 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải có 211 xe Bus có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 47.950.968.446 VND. Hiện nay, các tài sản này đang ngưng hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và chờ thanh lý theo Biên bản họp số 05/BB-HĐQT/SGB và Nghị Quyết số 09/NQ-HĐQT/SGB của Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 03 năm 2018 và kết quả lãi hoặc lỗ do thanh lý các phương tiện này sẽ được hạch toán Báo cáo kết quả kinh doanh vào thời điểm thanh lý. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa thể hiện chi phí hao mòn của các tài sản nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đoàn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ THANH MINH

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

ĐỖ CHÍ LIỄU

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3233-2015-009-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 297.676.602.854 | 223.753.165.177 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 59.704.311.729 | 84.258.389.830 |
| Tiền | 111 | | 14.704.311.729 | 84.258.389.830 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 45.000.000.000 | - |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 37.018.804.000 | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5.2 | 37.018.804.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 147.904.766.436 | 99.190.152.861 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 55.904.229.858 | 32.037.414.849 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 7.462.576.848 | 9.103.932.664 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5.1 | 84.916.770.130 | 58.048.805.348 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.6 | (378.810.400) | - |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | 5.7 | 43.503.337.177 | 29.781.685.819 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 43.503.337.177 | 29.781.685.819 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 9.545.383.512 | 10.522.936.667 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.8.1 | 2.237.213.768 | 2.933.864.630 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 6.041.595.699 | 7.589.072.037 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.14 | 1.266.574.045 | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 659.143.394.097 | 620.095.451.359 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 136.620.000 | - |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.5.2 | 136.620.000 | - |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 638.207.342.657 | 599.212.093.877 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.9 | 637.757.417.767 | 599.212.093.877 |
| Nguyên giá | 222 | | 1.304.657.836.959 | 1.271.053.813.271 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (666.900.419.192) | (671.841.719.394) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.10 | 449.924.890 | - |
| Nguyên giá | 228 | | 568.740.000 | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (118.815.110) | - |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 391.356.364 | 3.246.257.439 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.11 | 391.356.364 | 3.246.257.439 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 20.408.075.076 | 17.637.100.043 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.8.2 | 20.408.075.076 | 17.637.100.043 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 956.819.996.951 | 843.848.616.536 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 334.638.730.782 | 230.542.456.739 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 172.992.958.565 | 87.407.508.037 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.12.1 | 122.300.546.046 | 35.584.786.801 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.13 | 2.179.726.583 | 2.242.488.987 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.14 | 2.859.639.479 | 244.583.458 |
| Phải trả người lao động | 314 | 5.15 | 674.500.000 | 992.055.690 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.16 | 922.035.797 | 139.445.142 |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 5.17 | 154.204.544 | 3.836.794.424 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.18.1 | 906.152.805 | 837.023.595 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.19.1 | 40.421.153.452 | 37.641.161.452 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 5.20 | 2.574.999.859 | 5.889.168.488 |
| Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | 161.645.772.217 | 143.134.948.702 |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | 5.12.2 | 9.301.500.000 | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.18.2 | 788.044.940 | 2.416.658.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.19.2 | 151.556.227.277 | 140.239.744.366 |
| Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | 478.546.336 |


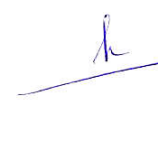
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|-------------|-------------|------------------------|------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 622.181.266.169 | 613.306.159.797 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.21 | 622.181.266.169 | 613.306.159.797 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 600.000.000.000 | 594.386.808.230 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 13.162.508.099 | 9.900.593.497 |
| <i>LNST của phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i> | | <i>9.193.764.577</i> | <i>7.397.823.714</i> |
| <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | | <i>3.968.743.522</i> | <i>2.502.769.783</i> |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | 9.018.758.070 | 9.018.758.070 |
| Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 956.819.996.951 | 843.848.616.536 |


NGUYỄN THỊ VÂN ANH
 Người lập biểu

PHẠM THỊ LỆ THU
 Kế toán trưởng

ĐOÀN MINH TÂM
 Tổng Giám đốc
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Thuyết minh | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 |
|--|-----------|-------------|-----------------------|----------------------------|
| | | | VND | đến ngày 31/12/2016 VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 564.447.384.686 | 207.622.865.200 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 4.496.455.856 |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 564.447.384.686 | 203.126.409.344 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 502.593.666.770 | 179.512.568.309 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 61.853.717.916 | 23.613.841.035 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 4.673.485.664 | 443.056.168 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 10.184.592.975 | 2.077.533.320 |
| - Trong đó, chi phí lãi vay | 23 | | 9.828.903.649 | 2.077.533.320 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 1.020.775.814 | 495.064.023 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 55.196.291.927 | 22.447.841.812 |
| Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 125.542.864 | (963.541.952) |
| Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 15.721.848.631 | 5.729.153.677 |
| Chi phí khác | 32 | 6.8 | 10.781.582.023 | 1.607.898.328 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 4.940.266.608 | 4.121.255.349 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 5.065.809.472 | 3.157.713.397 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.14 | 1.097.065.950 | 654.943.614 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 3.968.743.522 | 2.502.769.783 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.9.1 | 66 | 42 |

NGUYỄN THỊ VĂN ANH
Người lập biểu

PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng

ĐOÀN MINH TÂM
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Mã số | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 |
|--|-----------|--------------------------|----------------------------|
| | | VND | đến ngày 31/12/2016 VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 5.065.809.472 | 3.157.713.397 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 76.930.199.516 | 28.603.059.902 |
| Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) | 03 | 378.810.400 | - |
| (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - | - |
| (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 4.791.413.419 | (443.056.168) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 9.828.903.649 | 2.077.533.320 |
| Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | 300.000.000 |
| Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 96.995.136.456 | 33.695.250.451 |
| (Tăng), giảm các khoản phải thu | 09 | (31.618.289.338) | (19.428.777.237) |
| (Tăng), giảm hàng tồn kho | 10 | (13.721.651.358) | (6.170.640.162) |
| Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, | 11 | 87.792.039.083 | (85.480.355.029) |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | (2.074.324.171) | 1.882.499.825 |
| (Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (9.597.745.717) | (1.938.088.178) |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (2.392.802.806) | (629.849.501) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (10.671.923.718) | (1.980.210.220) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh | 20 | 114.710.438.431 | (80.050.170.051) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (131.966.208.770) | (230.962.880.206) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | 10.956.054.545 | - |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | (37.018.804.000) | - |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 4.667.966.782 | 443.056.168 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (153.360.991.443) | (230.519.824.038) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | - | - |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | 51.737.636.363 | 201.885.364.063 |
| Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | (37.641.161.452) | (85.101.062.357) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 14.096.474.911 | 116.784.301.706 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | 50 | (24.554.078.101) | (193.785.692.383) |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM | 60 | 84.258.389.830 | 278.044.082.213 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM | 70 | 59.704.311.729 | 84.258.389.830 |

NGUYỄN THỊ VĂN ANH
Người lập biểu

PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng

ĐOÀN MINH TÂM
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn Theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Ngày 13/10/2016, Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 6887/UBCK-GSĐC ngày 13/10/2016.

Ngày 02/11/2016, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và cấp mã chứng khoán cho Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM (HNX) kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2016 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: BSG
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 60.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch theo mệnh giá: 600.000.000.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Nhà hàng);
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mớ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Mời giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có 11 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

| Tên Xí Nghiệp | Địa chỉ |
|--|---|
| Xí nghiệp sửa chữa ô tô | Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp Du lịch-Lữ hành (Saigonbus Travel) | Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh |
| Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe | Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp dịch vụ Du lịch Sapaco | Số 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp vận tải số 1 | Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp vận tải số 2 | Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp vận tải số 3 | Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp vận tải số 4 | Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp vận tải số 5 | Số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp vận tải số 6 | Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp vận tải số 7 | Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh |

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 không so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước do Công ty chuyển đổi hình loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần kể từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 nên số liệu so sánh của năm nay là từ 19 tháng 08 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 1.222 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.243 người).



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty.

Các năm tài chính tiếp theo là bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

148C
VG
19/1
1/10
1/11
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

148C
Y
U
N
H
H



Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước tại số 171 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh thể hiện khoản tiền thuê đất trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Do Công ty chưa ký được hợp đồng thuê đất với Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hồ Chí Minh nên chưa biết thời gian phân bổ tiền thuê đất trả trước.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh là giá trị tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu của Công ty được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA ngày 07 tháng 12 năm 2015. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 50 năm |
| Máy móc và thiết bị | 5 - 20 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 - 25 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 5 - 15 năm |
| Tài sản cố định khác | 5 - 25 năm |

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Tiền lương

Công ty ghi nhận chi phí lương trong năm theo Quỹ lương. Quỹ lương được xây dựng trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động bình quân theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa bao gồm lương tại Công ty). Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty ghi nhận chi phí lương theo quỹ lương thực hiện của năm 2017 được Hội đồng quản trị phê duyệt theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT/SGB ngày 29 tháng 01 năm 2018.



4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các Cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các Cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.4E
TỔNG
QUYẾT
D. H.



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.17 Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty/đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

| Công ty | Địa điểm | Quan hệ |
|---|-----------------|---|
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (SAMCO) | Tp. Hồ Chí Minh | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc | Tp. Hồ Chí Minh | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể Thành viên chủ chốt |

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt – VND | 4.584.389.699 | 2.367.701.341 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND | 10.119.877.400 | 81.890.688.489 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD | (i) 44.630 | - |
| Các khoản tương đương tiền – VND | (ii) 45.000.000.000 | - |
| | 59.704.311.729 | 84.258.389.830 |

(i) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

| | Gốc ngoại tệ | Tương đương VND |
|---------------------------------------|--------------|-----------------|
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD | 1,97 | 44.630 |
| | 1,97 | 44.630 |

(ii) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi từ 1 tháng đến 3 tháng, lãi suất tiền gửi từ 4,8%/năm đến 5,2%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|------------------------------------|-----------------------|-------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn - VND | (*) 37.018.804.000 | - |
| | 37.018.804.000 | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(*) Các khoản tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn gửi từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất tiền gửi từ 5,3%/năm đến 6,5%/năm. Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để thế chấp, bảo lãnh các khoản vay ngân hàng như sau :

- Duy trì khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng số tiền 3.385.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo hợp đồng tiền gửi số 703/2016/HĐTG ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Xem thêm thuyết minh ở mục 5.19.2.
- Duy trì khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng số tiền tối thiểu là 1.760.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank - Chi nhánh 8) theo hợp đồng tiền gửi số 926/2016/09/013/HĐTG ngày 30 tháng 09 năm 2016 - Xem thêm thuyết minh ở mục 5.19.2.

5.3 Phải thu khách hàng

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu bên liên quan | | |
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên (Xem thêm Thuyết minh mục 9.1.2) | 106.350.000 | 664.680.000 |
| Phải thu các khách hàng khác | | |
| Công ty TNHH GB Hà Nội | 6.180.000.000 | 6.180.000.000 |
| Công ty TNHH Vận tải TP. Hồ Chí Minh | 4.353.762.013 | 1.324.634.718 |
| Công ty Phát triển Khu Công Nghệ Cao | 2.175.465.790 | 826.095.000 |
| Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn - XN Tọa xe Đà Nẵng | - | 5.408.704.000 |
| Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn - XN Tọa xe Sài Gòn | 32.340.000 | 2.671.392.662 |
| Công ty TNHH Ô tô và Thiết bị chuyên dùng Sao Bắc | 6.966.400.000 | - |
| Các khách hàng khác | 36.089.912.055 | 14.961.908.469 |
| | 55.904.229.858 | 32.037.414.849 |

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trả trước cho người bán khác | | |
| Công ty TNHH Nón Xanh | 1.307.457.745 | - |
| Công ty TNHH Kỹ Nghệ Thăng Long | 1.068.641.100 | 1.070.592.700 |
| Các nhà cung cấp khác | 5.086.478.003 | 8.033.339.964 |
| | 7.462.576.848 | 9.103.932.664 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu các bên liên quan (Xem Thuyết minh 8.1.2) | | | | |
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (SAMCO) - Phải thu tiền góp vốn | 5.613.191.770 | - | - | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | | | | |
| Phải thu Trung tâm quản lý giao thông công cộng | | | | |
| Phải thu tiền trợ giá xe bus, đưa rước công nhân, đưa rước học sinh (i) | 17.359.784.620 | - | 21.383.271.224 | - |
| Phải thu về tiền phạt mất chuyến đang chờ giải quyết (i) | 9.663.827.798 | - | 8.629.346.031 | - |
| Phải thu về tiền vé tập | 3.796.935.178 | - | 4.147.271.596 | - |
| Phải thu ngân sách nhà nước - Dự án nhà 39 Hải Thượng Lãn Ông (ii) | 9.018.758.070 | - | 9.018.758.070 | - |
| Các khoản tiền hỗ trợ lãi vay của ngân sách Nhà nước (iii) | 9.250.301.249 | - | 175.819.267 | - |
| Quý lương chi vượt (Xem mục 5.15) | 6.765.920.189 | - | 3.684.699.832 | - |
| Quý khen thưởng (Xem mục 5.20) | 7.107.755.089 | - | - | - |
| Tiền thuê đất của khu đất số 1 Phạm Hồng Thái và khu đất 592 Cộng Hòa đang chờ quyết định miễn tiền thuê đất của cơ quan chức năng | 3.402.942.533 | - | - | - |
| Phải thu Công ty Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn - Tiền thù lao Hội đồng quản trị | - | - | 1.921.488.800 | - |
| Phải thu từ các xí nghiệp vận tải tiền vé xe buýt phải nộp cho Công ty | 1.698.312.000 | - | 1.006.299.000 | - |
| Tạm ứng nhân viên | 7.764.042.550 | - | 5.101.196.373 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 1.540.514.000 | - | 651.530.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 1.934.485.084 | - | 2.329.125.155 | - |
| | 84.916.770.130 | - | 58.048.805.348 | - |

- (i) Các khoản phải thu của Trung tâm quản lý giao thông công cộng về tiền trợ giá xe buýt chưa được ký xác nhận ký quyết toán.
- (ii) Đây là khoản phải thu ngân sách Nhà nước sau khi quyết toán đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Văn phòng làm việc của Công ty" được duyệt theo Quyết định số 3064/QĐ-UBND TPHCM ngày 14 tháng 06 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
- (iii) Là khoản tiền hỗ trợ lãi vay của ngân sách Nhà nước về việc Công ty đầu tư 212 xe Bus CNG theo "Đề án đầu tư xe buýt giai đoạn 2014-2017" của Sở Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh.



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|---|--------------------|--------------|-------------|--------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | |
| Ký cược, ký quỹ | 136.620.000 | - | - | - |
| | 136.620.000 | - | - | - |

5.6 Nợ xấu

| | 31/12/2017 | | | 01/01/2017 | | |
|---|-----------------------|--------------------|----------------------------|-----------------------|-------------|----------------------------|
| | Thời gian quá hạn VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Thời gian quá hạn VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | | | |
| <i>Phải thu khách hàng</i> | | | | | | |
| Hoạt động vận chuyển hành khách | Từ 2 năm đến 3 năm | 192.516.700 | - | - | - | - |
| Công ty TNHH MTV Dược phẩm Hiệp Đồng Phát | Từ 2 năm đến 3 năm | 82.006.000 | 24.601.800 | - | - | - |
| Công ty TNHH Du lịch Sài Gòn Bay | Từ 1 năm đến 2 năm | 243.025.000 | 121.512.500 | - | - | - |
| Tổng Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Bảo Long | Dưới 1 năm | 14.365.000 | 10.055.500 | - | - | - |
| Công ty Bảo hiểm Bảo Minh – Bến Thành | Dưới 1 năm | 10.225.000 | 7.157.500 | - | - | - |
| | | 542.137.700 | 163.327.300 | - | - | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | |
|------------------------------|----------------------|
| | Cộng VND |
| Tại ngày 01/01/2017 | - |
| Trích lập dự phòng trong năm | (378.810.400) |
| Tại ngày 31/12/2017 | (378.810.400) |

5.7 Hàng tồn kho

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--------------------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 4.708.971.525 | - | 603.990.000 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 33.096.438.661 | - | 22.228.188.419 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 369.797.286 | - | 182.689.245 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 62.881.828 | - | 6.236.961.329 | - |
| Thành phẩm | 4.727.974.158 | - | - | - |
| Hàng hóa | 537.273.719 | - | 529.856.826 | - |
| Hàng gửi đi bán | - | - | - | - |
| | 43.503.337.177 | - | 29.781.685.819 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phí đường bộ, đăng kiểm | 180.688.580 | 199.920.000 |
| Chi phí bảo hiểm xe | 1.132.150.560 | 1.711.603.788 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 924.374.628 | 888.520.344 |
| | 2.237.213.768 | 2.933.864.630 |

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ đánh giá lại (i) | 531.591.883 | 858.725.351 |
| Công cụ, dụng cụ | - | 725.665.988 |
| Lợi thế kinh doanh (ii) | 5.094.045.216 | 5.684.659.155 |
| Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ (iii) | 8.944.963.213 | 8.944.963.213 |
| Chi phí sửa chữa | 2.911.989.174 | 1.069.946.891 |
| Trang thiết bị theo xe | - | 353.139.445 |
| Máy in vé trên xe buýt | 1.345.318.334 | - |
| Chi phí máy móc, công cụ quản lý | 963.917.256 | - |
| Chi phí đèn led trên xe buýt | 616.250.000 | - |
| | 20.408.075.076 | 17.637.100.043 |

- i. Công cụ, dụng cụ đánh giá lại được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA và Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty.
- ii. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển, được ghi nhận theo theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA và Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty.
- iii. Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty. Theo quy định về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì đối với những khu đất nhận chuyển nhượng hợp pháp có quyền sử dụng đất lâu dài khi chuyển sang hình thức thuê đất thì giá trị quyền sử dụng đất giao còn lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được xác định là số tiền doanh nghiệp đã trả trước cho khoản thời gian thuê nhất định theo giá thuê đất tại thời điểm doanh nghiệp hoàn tất thủ tục thuê đất với Cơ quan quản lý địa phương. Tuy nhiên, Công ty chưa hoàn tất thủ tục thuê đất với Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh nên số tiền thuê đất nêu trên chưa có cơ sở để phân bổ theo thời gian thuê thực tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9 Tính hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải (*) VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Tài sản cố định khác VND | Cộng VND |
|------------------------------------|----------------------------|----------------------|-----------------------------|------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <i>Nguyên giá</i> | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 124.658.693.767 | 7.334.474.947 | 1.125.569.786.285 | 11.568.183.785 | 1.922.674.487 | 1.271.053.813.271 |
| Mua trong năm | - | - | 130.649.370.840 | 38.181.818 | - | 130.687.552.658 |
| Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành | 2.370.271.732 | - | 1.194.545.455 | - | - | 3.564.817.187 |
| Thanh lý trong năm | (55.250.000) | (768.208.106) | (99.529.495.999) | - | (295.392.052) | (100.648.346.157) |
| Tại ngày 31/12/2017 | 126.973.715.499 | 6.566.266.841 | 1.157.884.206.581 | 11.606.365.603 | 1.627.282.435 | 1.304.657.836.959 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 44.121.330.981 | 5.081.751.313 | 614.527.118.466 | 6.976.048.543 | 1.135.470.091 | 671.841.719.394 |
| Khấu hao trong năm | 4.190.913.152 | 335.092.716 | 71.370.549.392 | 784.172.328 | 130.656.818 | 76.811.384.406 |
| Thanh lý trong năm | (42.500.000) | (587.731.516) | (79.688.371.588) | - | (244.959.019) | (80.563.562.123) |
| Điều chỉnh giảm khác | (817.498.549) | (176.083.194) | (78.057.379) | (81.732.910) | (65.750.453) | (1.189.122.485) |
| Tại ngày 31/12/2017 | 47.452.245.584 | 4.653.029.319 | 606.131.238.891 | 7.678.487.961 | 985.417.437 | 666.900.419.192 |
| <i>Giá trị còn lại</i> | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 80.537.362.786 | 2.252.723.634 | 511.042.667.819 | 4.592.135.242 | 787.204.396 | 599.212.093.877 |
| Tại ngày 31/12/2017 | 79.521.469.915 | 1.913.237.522 | 551.752.967.690 | 3.927.877.642 | 641.864.998 | 637.757.417.677 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2017: 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bằng 0 VND).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, phương tiện vận tải đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay là 285.811.052.676 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 263.848.736.100 VND).

(*) Trong tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải có 211 xe Bus có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 47.950.968.446 VND. Hiện nay, các tài sản này đang ngưng hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và chờ thanh lý theo Biên bản họp số 05/BB-HDQT/SCB và Nghị Quyết số 09/NQ-HDQT/SCB của Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 03 năm 2018 và kết quả lãi hoặc lỗ do thanh lý các phương tiện này sẽ được hạch toán Báo cáo kết quả kinh doanh vào thời điểm thanh lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Tính hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

| | | | | | | |
|-------------------------------|--|--|--|--|--|--------------------|
| <i>Nguyên giá</i> | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | | | | | | |
| Mua trong năm | | | | | | 568.740.000 |
| Tại ngày 31/12/2017 | | | | | | 568.740.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | | | | | | |
| Khấu hao trong năm | | | | | | 118.815.110 |
| Tại ngày 31/12/2017 | | | | | | 118.815.110 |
| <i>Giá trị còn lại</i> | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2017 | | | | | | 449.924.890 |

| | Phản mềm máy tính VND |
|--|-----------------------|
| | 568.740.000 |
| | 568.740.000 |
| | 118.815.110 |
| | 118.815.110 |
| | 449.924.890 |

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Chi phí phát sinh trong năm VND | Kết chuyển tài sản cố định sản có định VND | Kết chuyển chi phí trả trước chờ phân bổ VND | Nhập kho hàng hóa VND | Bán trong năm VND | 31/12/2017 VND |
|---|---------------------------------|--|--|------------------------|------------------------|--------------------|
| Dự án bãi xe cao tầng Số 592, Công Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh | 391.356.364 | - | - | - | - | 391.356.364 |
| Chi phí sửa chữa xe ô tô | 542.811.161 | 795.506.749 | - | (1.338.317.910) | - | - |
| Xây dựng văn phòng làm việc và xưởng sửa chữa Tổng Văn Trần | 2.312.089.914 | 56.181.818 | (2.370.271.732) | - | - | - |
| Đầu tư xe ô tô 5 chỗ cho thuê | - | 1.194.545.455 | (1.194.545.455) | - | - | - |
| Đồng trùng mới 4 xe | - | 9.455.948.316 | - | (4.727.974.158) | (4.727.974.158) | - |
| | 3.246.257.439 | 11.504.182.338 | (3.564.817.187) | (1.338.317.910) | (4.727.974.158) | 391.356.364 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn

5.12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---|------------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | | |
| Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV (SAMCO) | 2.920.000.000 | 160.919.707 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | | |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 32.710.086.707 | 20.234.705.431 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Ô tô Gia Định | 60.253.700.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 26.416.759.339 | 15.189.161.663 |
| Tổng cộng | 122.300.546.046 | 35.584.786.801 |

5.12.2 Phải trả người bán dài hạn

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|----------------------|-------------------|
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Ô tô Gia Định | 9.301.500.000 | - |
| Tổng cộng | 9.301.500.000 | - |

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | | |
| Công ty TNHH TM DV Thành Tuấn | 1.561.908.395 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tuấn Hưng Miền Nam | - | 1.000.000.000 |
| Công ty TNHH Ô tô Tiên Phong | - | 294.591.187 |
| Các khách hàng khác | 617.818.188 | 947.897.800 |
| Tổng cộng | 2.179.726.583 | 2.242.488.987 |

5.14 Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) nhà nước

| | 01/01/2017 | | Số phát sinh trong năm | | 31/12/2017 | |
|----------------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|-----------------|
| | Phải nộp VND | Số phải nộp VND | Số đã nộp VND | Phải nộp VND | Phải thu VND | Phải thu VND |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 2.912.331.091 | (53.147.932) | 2.859.183.159 | - | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 1.308.230.910 | (1.308.230.910) | - | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 1.737.900.000 | (1.737.900.000) | - | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 212.489.537 | 1.097.065.950 | (2.392.802.806) | - | (1.083.247.319) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 31.637.601 | 517.224.964 | (589.757.981) | - | (40.895.416) | - |
| Thuế tài nguyên | 456.320 | 5.658.000 | (5.658.000) | 456.320 | - | - |
| Tiền thuê đất | - | 2.193.491.108 | (2.335.922.418) | - | (142.431.310) | - |
| Thuế môn bài | - | 11.000.000 | (11.000.000) | - | - | - |
| Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | - | 250.707.304 | (250.707.304) | - | - | - |
| Cộng | 244.583.458 | 10.033.609.327 | (8.685.127.351) | 2.859.639.479 | (1.266.574.045) | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm 2017 VND | Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND |
|---|----------------------|--|
| Tổng lợi nhuận trước thuế theo kế toán | 5.065.809.472 | 3.157.713.397 |
| Cộng các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN | 419.520.280 | 417.004.674 |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | 5.485.329.752 | 3.574.718.071 |
| Chuyển lỗ | - | - |
| Thu nhập tính thuế TNDN | 5.485.329.752 | 3.574.718.071 |
| Trừ quỹ phát triển khoa học công nghệ | - | (300.000.000) |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Thuế TNDN phải nộp trong kỳ/ năm | 1.097.065.950 | 654.943.614 |
| Điều chỉnh giảm thuế TNDN | - | (11.355.000) |
| Tổng thuế TNDN phải nộp trong kỳ/năm | 1.097.065.950 | 643.588.614 |

Tiền thuê đất m²

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng như sau:

| Vị trí đất | Diện tích thuê (m ²) |
|--|----------------------------------|
| Tại số 500 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh | 618,6 |
| Tại số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh | 774,2 |
| Tại số 343/20 Lạc Long, quận 5, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh | (*) 30.511,9 |
| Tại số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh | (*) 7.214,0 |
| Tại số 01 Phạm Hồng Thái, phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh | (**) 27.490,0 |
| Tại số 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh | (**) 6.799,1 |

(*) Là các khu đất thuê được miễn tiền thuê đất, cụ thể như sau:

Tại số 343/20 Lạc Long Quận, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh: Quyết định số 1436/QĐ-CCT-TBTK ngày 16 tháng 8 năm 2010 về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty từ ngày 01 tháng 07 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2045.

Tại số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh: Quyết định số 875/QĐ-CCT ngày 26 tháng 10 năm 2010 về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty từ ngày 01 tháng 07 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(**) Là hai khu đất đang tiến hành xin miễn tiền thuê đất, Công ty không ghi nhận chi phí thuê đất phát sinh trong năm.

5.15 Phải trả người lao động

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|----------------------------------|----------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|
| | Số dư bên Nợ (*) VND | Số dư bên Có VND | Số dư bên Nợ (*) VND | Số dư bên Có VND |
| Phải trả lương nhân viên | 6.765.920.189 | - | 3.684.699.832 | - |
| Phải trả lương viên chức quản lý | - | 674.500.000 | - | 992.055.690 |
| Tổng cộng | 6.765.920.189 | 674.500.000 | 3.684.699.832 | 992.055.690 |

(*) Phải trả lương cho nhân viên có số dư bên nợ được trình bày tại mục "Phải thu ngắn hạn khác" - Xem mục 5.5.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---|--------------------|--------------------|
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Chi phí trích trước của trung tâm sát hạch lái xe | 189.354.544 | - |
| Chi phí trả chậm dự án mua xe | 35.526.263 | - |
| Trích trước chi phí lãi vay | 697.154.990 | 139.445.142 |
| | 922.035.797 | 139.445.142 |

5.17 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---|--------------------|----------------------|
| Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Doanh thu cho thuê bề mặt quảng cáo trên thân xe buýt | 99.999.999 | - |
| Doanh thu cho thuê mặt bằng | 54.204.545 | - |
| Doanh thu Tours Du lịch lữ hành | - | 3.836.794.424 |
| | 154.204.544 | 3.836.794.424 |

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|--------------------|--------------------|
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | | |
| Kinh phí công đoàn | 825.255 | - |
| Bảo hiểm xã hội | 39.155.102 | - |
| Điều chỉnh thuế TNCN | 37.657.809 | - |
| Thù lao Hội đồng thành viên (phí điều hành Công ty Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn) | - | 570.000.000 |
| Phải trả cổ phần hóa | - | 482.880 |
| Tiền đồng phục phải trả | 85.808.440 | 61.239.870 |
| Bảo hiểm bồi thường tai nạn | 27.542.299 | 128.335.000 |
| Phải trả trung tâm sát hạch lái xe | - | 51.260.000 |
| Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn | 690.621.100 | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 24.542.800 | 25.705.845 |
| | 906.152.805 | 837.023.595 |

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|---|--------------------|----------------------|
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 788.044.940 | 2.416.658.000 |
| | 788.044.940 | 2.416.658.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.19 Vay ngắn hạn, dài hạn

5.19.1 Vay ngắn hạn

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|---|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 5.19.2) | | | | |
| Công ty đầu tư tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh | 14.924.608.000 | 14.924.608.000 | 15.744.616.000 | 15.744.616.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng | 9.896.545.452 | 9.896.545.452 | 9.896.545.452 | 9.896.545.452 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Thủ Thiêm | 15.600.000.000 | 15.600.000.000 | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| | 40.421.153.452 | 40.421.153.452 | 37.641.161.452 | 37.641.161.452 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | 01/01/2017 VND | Kết chuyển từ vay dài hạn VND | Số tiền vay đã trả trong năm VND | 31/12/2017 VND |
|-------------------------|-----------------------|-------------------------------------|---|-----------------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả | 37.641.161.452 | 40.421.153.452 | (37.641.161.452) | 40.421.153.452 |
| | 37.641.161.452 | 40.421.153.452 | (37.641.161.452) | 40.421.153.452 |

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|------------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh (a) | 63.970.708.000 | 63.970.708.000 | 79.715.324.000 | 79.715.324.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng (b) | 59.379.272.729 | 59.379.272.729 | 17.538.181.818 | 17.538.181.818 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm (c) | 68.627.400.000 | 68.627.400.000 | 80.627.400.000 | 80.627.400.000 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 5.19.1) | (40.421.153.452) | (40.421.153.452) | (37.641.161.452) | (37.641.161.452) |
| | 151.556.227.277 | 151.556.227.277 | 140.239.744.366 | 140.239.744.366 |

(a) Vay dài hạn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng vay như sau:

- Hợp đồng vay số 168/2011/HĐTD-QDT-TD ngày 22 tháng 07 năm 2011 như sau:

| | |
|---------------------------|---|
| Mục đích vay | : Thực hiện dự án "Thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong vận tải hành khách công cộng tại Tp. Hồ Chí Minh (giai đoạn 1) |
| Thời hạn cho vay | : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên |
| Lãi suất | : 10,8%/năm, trong đó ngân sách Nhà Nước hỗ trợ lãi vay theo từng thời điểm. |
| Hình thức đảm bảo | : Tài sản hình thành từ vốn vay. |
| Số dư tại ngày 31/12/2017 | : Nợ dài hạn đến hạn trả là 4.121.408.000 VND. |



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

• *Hợp đồng vay số 88/2016/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 17 tháng 07 năm 2016 như sau:*

| | |
|---------------------------|---|
| Mục đích vay | : Thực hiện Giai đoạn 2 "Dự án thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong vận tải hành khách công cộng tại Tp. Hồ Chí Minh, 19 xe bus CNG". |
| Hạn mức cho vay | : 55.825.000.000 VND nhưng không quá tối đa 80% tổng mức đầu tư giai đoạn 2 của dự án. |
| Thời hạn cho vay | : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. |
| Lãi suất | : Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/9/2016 là 8,675% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/07 và ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (loại trả lãi sau) của bốn ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh. |
| Hình thức đảm bảo | : Thế chấp tài sản hình thành từ dự án 29 xe bus CNG Toàn bộ nguồn thu từ dự án, trợ giá, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà Nước. Duy trì tài khoản với tổng số tiền 3.385.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – <i>Xem thêm mục 5.2</i> |
| Số dư tại ngày 31/12/2017 | : 47.135.500.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 8.588.000.000 VND Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 38.547.500.000 VND |

• *Hợp đồng vay số 136/2016/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 23 tháng 09 năm 2016 như sau:*

| | |
|---------------------------|---|
| Mục đích vay | : Đầu tư 17 xe buýt sử dụng nhiên liệu DIESEL loại 40 chỗ "đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng" thuộc dự án số 717A/QĐ-XKSG ngày 18/05/2016. |
| Hạn mức cho vay | : 14.375.2000.000 VND nhưng không quá tối đa 80% tổng mức đầu tư "Đầu tư phương tiện hoạt động vận tải hành khách công cộng" |
| Thời hạn cho vay | : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên |
| Lãi suất | : Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/09/2016 là 8,875% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng /lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/07 và ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (loại trả lãi sau) của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh. |
| Hình thức đảm bảo | : Thế chấp tài sản hình thành từ dự án là 17 xe bus sử dụng nhiên liệu DIESEL. Toàn bộ nguồn thu từ dự án, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà Nước tại ngân hàng PVCombank Chi nhánh TP Hồ Chí Minh. Duy trì một hoặc nhiều tài khoản tiền gửi với tổng số tiền tối thiểu là 1.760.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. |
| Số dư tại ngày 31/12/2017 | : 12.713.800.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 2.215.200.000 VND Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 10.498.600.000 VND |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(b) *Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng vay số 0071/KHDN/16DH ngày 07 tháng 12 năm 2016:*

| | |
|---------------------------|--|
| Mục đích vay | : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định là xe bus hiệu SAMCO Bus B47 thuộc "dự án đầu tư phương tiện hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt". Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp đã thanh toán vượt phần vốn còn phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án. |
| Hạn mức cho vay | : 76.203.400.000 VND nhưng không quá 65,5% tổng mức đầu tư của dự án (chưa bao gồm VAT) |
| Thời hạn cho vay | : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên |
| Lãi suất | : Áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 trả lãi sau bình quân của 4 ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2,34%/năm. |
| Hình thức đảm bảo | : Bảy mươi chín (79) phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty. |
| Số dư tại ngày 31/12/2017 | : 59.379.272.729 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 9.896.545.452 VND Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 49.482.727.277 VND |

(c) *Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng vay số 290/2016-HĐTDDA/NHCT903-SATRANCO ngày 30 tháng 11 năm 2016:*

| | |
|---------------------------|---|
| Mục đích vay | : Thanh toán các chi phí hợp lý tài sản cố định là xe buýt hiệu SAMCO Bus B47 và SAMCO Bus B30. |
| Hạn mức cho vay | : 80.627.400.000 VND |
| Thời hạn cho vay | : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên |
| Lãi suất | : Lãi suất lãi vay thả nổi. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,02%/năm và chỉ có giá trị cho kì tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh một tháng 1 lần. Lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 trả lãi sau bình quân của 4 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2,34%/năm. |
| Hình thức đảm bảo | : Đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có |
| Số dư tại ngày 31/12/2017 | : 68.627.400.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 15.600.000.000 VND Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 53.027.400.000 VND |



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Tổng nợ VND | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND |
|---|------------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Tại ngày 31/12/2017 | | | | |
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh | 63.970.708.000 | 14.924.608.000 | 43.212.800.000 | 5.833.300.000 |
| Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ thiêm | 68.627.400.000 | 15.600.000.000 | 50.400.000.000 | 2.627.400.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng | 59.379.272.729 | 9.896.545.452 | 39.586.181.808 | 9.896.545.469 |
| | 191.977.380.729 | 40.421.153.452 | 133.198.981.808 | 18.357.245.469 |
| Tại ngày 01/01/2017 | | | | |
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh | 79.715.324.000 | 15.744.616.000 | 47.334.208.000 | 16.636.500.000 |
| Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ thiêm | 80.627.400.000 | 12.000.000.000 | 62.400.000.000 | 6.227.400.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng | 17.538.181.818 | 9.896.545.452 | 7.641.636.366 | - |
| | 177.880.905.818 | 37.641.161.452 | 117.375.844.366 | 22.863.900.000 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

| | 01/01/2017 VND | Số tiền vay phát sinh trong năm VND | Kết chuyển sang vay ngắn hạn VND | 31/12/2017 VND |
|---|------------------------|--|---|------------------------|
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh | 63.970.708.000 | - | (14.924.608.000) | 49.046.100.000 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm | 68.627.400.000 | - | (15.600.000.000) | 53.027.400.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng | 7.641.636.366 | 51.737.636.363 | (9.896.545.452) | 49.482.727.277 |
| | 140.239.744.366 | 51.737.636.363 | (40.421.153.452) | 151.556.227.277 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | 01/01/2017 | | Phát sinh trong năm | | 31/12/2017 | |
|--------------------------------------|-----------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| | Số dư Nợ VND | Số dư có VND | Trích quỹ trong năm VND | Chi quỹ trong năm VND | Số dư Nợ (*) VND | Số dư có VND |
| Quỹ khen thưởng | - | 3.296.368.629 | 250.000.000 | (10.654.123.718) | 7.107.755.089 | - |
| Quỹ phúc lợi | - | 2.233.404.366 | - | (17.800.000) | - | 2.215.604.366 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | - | 359.395.493 | - | - | - | 359.395.493 |
| | - | 5.889.168.488 | 250.000.000 | (10.671.923.718) | 7.107.755.089 | 2.574.999.859 |

(*) Số dư bên nợ Quỹ khen thưởng được trình bày tại mục 5.5.1 – Phải thu ngắn hạn khác.

5.21 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của CSH VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Nguồn vốn đầu tư XDCCB VND | Công VND |
|-----------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|------------------------|
| Tại ngày 19/08/2016 | 143.372.513.611 | 7.397.823.714 | 9.018.758.070 | 159.789.095.395 |
| Tăng vốn trong năm | 451.014.294.619 | - | - | 451.014.294.619 |
| Lãi trong kỳ | - | 2.502.769.783 | - | 2.502.769.783 |
| Tại ngày 31/12/2016 | 594.386.808.230 | 9.900.593.497 | 9.018.758.070 | 613.306.159.797 |
| Tại ngày 01/01/2017 | 594.386.808.230 | 9.900.593.497 | 9.018.758.070 | 613.306.159.797 |
| Tăng vốn trong năm | 5.613.191.770 | - | - | 5.613.191.770 |
| Lãi trong năm | - | 3.968.743.522 | - | 3.968.743.522 |
| Trích Quỹ khen thưởng | - | (250.000.000) | - | (250.000.000) |
| Giảm khác (*) | - | (456.828.920) | - | (456.828.920) |
| Tại ngày 31/12/2017 | 600.000.000.000 | 13.162.508.099 | 9.018.758.070 | 622.181.266.169 |

(*) Công ty cũng điều chỉnh giảm lợi nhuận của giai đoạn khi Công ty còn là Công TNHH Một thành viên xe khách Sài Gòn theo Quyết định kiểm tra số 4983/QĐ-CT ngày 19 tháng 10 năm 2017 (kiểm tra năm tài chính 2013 và 2014) và Quyết định số 6436/QĐ-CT ngày 25 tháng 12 năm 2017 (kiểm tra năm tài chính 2015 và đến 18 tháng 08 năm 2016) truy thu thuế với số tiền là 456.828.920 VND.

5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| Cổ đông | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | VND | Tỷ lệ (%) |
| Tổng Công ty Cổ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV | 294.000.000.000 | 49,00% | 288.386.808.230 | 48,52% |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô | 144.274.000.000 | 24,05% | 144.274.000.000 | 24,27% |
| Ông Phạm Anh Hưng | 90.000.000.000 | 15,00% | - | - |
| Công ty TNHH Chứng khoán ACB | - | - | 90.000.000.000 | 15,14% |
| Ông Nguyễn Văn Thành | 45.000.000.000 | 7,50% | 45.000.000.000 | 7,57% |
| Các cổ đông khác | 26.726.000.000 | 4,45% | 26.726.000.000 | 4,50% |
| | 600.000.000.000 | 100,00% | 594.386.808.230 | 100,00% |



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.21.3 Cổ phiếu

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 60.000.000 | 59.438.681 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 60.000.000 | 59.438.681 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 60.000.000 | 59.438.681 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 60.000.000 | 59.438.681 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

5.21.4 Phân phối lợi nhuận

| | VND |
|-----------------------|-------------|
| Trích Quỹ khen thưởng | 250.000.000 |

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

5.22.1 Tài sản thuê ngoài

Căn cứ vào hợp đồng thuê đất của Công ty, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|----------------------|------------------------|------------------------|
| Trong vòng 1 năm | 13.898.509.787 | 13.898.509.787 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 55.746.770.024 | 55.746.770.024 |
| Trên 5 năm | 484.297.054.229 | 498.233.746.735 |
| | 553.942.334.040 | 567.879.026.546 |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 774,2 m² đất tại 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 609.000 VND/m²/tháng/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Tổng số tiền thuê 27.490 m² đất tại 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 346.353 VND/m²/tháng/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 21 tháng 04 năm 2006.
- Tổng số tiền thuê 6.799,1 m² đất tại 592 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 580.071 VND/m²/tháng/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 49 năm tính từ ngày 09 tháng 11 năm 2011.

5.22.2 Nợ khó đòi đã xử lý:

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|----------------------|-------------|-------------|
| Phải thu các cá nhân | 330.150.000 | 330.150.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|---|------------------------|---|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Doanh thu bán hàng hóa | 86.264.199.764 | 27.764.967.643 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 478.183.184.922 | 179.857.897.557 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Truy thu trợ giá | - | (4.496.455.856) |
| Doanh thu thuần | 564.447.384.686 | 203.126.409.344 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|--------------------------|------------------------|---|
| | VND | VND |
| Giá vốn bán hàng hóa | 79.752.126.758 | 26.602.159.748 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 422.841.540.012 | 152.910.408.561 |
| | 502.593.666.770 | 179.512.568.309 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|---|----------------------|---|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 4.667.966.782 | 386.281.168 |
| Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh | 4.205.252 | 56.775.000 |
| Khác | 1.313.630 | - |
| | 4.673.485.664 | 443.056.168 |

6.4 Chi phí tài chính

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|---------------------------|-----------------------|---|
| | VND | VND |
| Chi phí tiền lãi vay | 9.628.903.649 | 2.077.533.320 |
| Chi phí tiền lãi trả chậm | 355.265.326 | - |
| Chi phí tài chính khác | 424.000 | - |
| | 10.184.592.975 | 2.077.533.320 |

6.5 Chi phí bán hàng

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|--------------------------|----------------------|---|
| | VND | VND |
| Chi phí bơm rót xăng dầu | 1.020.775.814 | 495.064.023 |
| | 1.020.775.814 | 495.064.023 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|-----------------------------------|-----------------------|---|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 18.991.956.896 | 6.144.134.688 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 848.141.060 | 226.644.591 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 3.101.392.102 | 1.962.256.141 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.701.218.791 | 3.130.422.545 |
| Thuế, phí, lệ phí | 12.702.159.544 | 5.314.331.900 |
| Tiền điện, điện thoại, internet | 4.475.159.329 | 1.970.604.439 |
| Chi phí dự phòng | 378.810.400 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.639.390.386 | 2.097.626.051 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 5.358.063.419 | 1.601.821.457 |
| | 55.196.291.927 | 22.447.841.812 |

6.7 Thu nhập khác

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|-------------------------------------|-----------------------|---|
| | VND | VND |
| Thu nhập từ cho thuê mặt bằng | 13.786.415.358 | 4.447.929.131 |
| Tiền điện nước từ cho thuê mặt bằng | 1.153.694.765 | 480.105.636 |
| Thu nhập từ sửa chữa xe | 217.737.859 | 50.105.636 |
| Thu nhập từ quảng cáo | 95.454.547 | 313.372.455 |
| Thu nhập khác | 468.546.102 | 437.640.819 |
| | 15.721.848.631 | 5.729.153.677 |

6.8 Chi phí khác

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|---|-----------------------|---|
| | VND | VND |
| Lỗ do thanh lý tài sản cố định hữu hình (*) | 9.459.380.201 | - |
| Chi phí khấu hao TSCĐ cho thuê mặt bằng | 260.550.228 | 253.116.698 |
| Công cụ dụng cụ đánh giá lại | 917.747.407 | - |
| Chi phí khấu hao xe dự phòng | - | 996.919.806 |
| Tiền phạt, chậm nộp, truy thu thuế | 100.711.534 | 2.101.674 |
| Chi phí khác | 43.192.653 | 355.760.150 |
| | 10.781.582.023 | 1.607.898.328 |

(*) Lỗ do thanh lý tài sản cố định hữu hình được chi tiết như sau:

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|--|------------------------|---|
| | VND | VND |
| Thu do thanh lý tài sản cố định hữu hình | 10.956.054.545 | - |
| Chi phí thanh lý tài sản cố định | (20.415.434.746) | - |
| Giá trị còn lại của tài sản thanh lý | (20.084.784.034) | - |
| Chi phí liên quan đến việc thanh lý | (330.650.712) | - |
| | (9.459.380.201) | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|---|---------------|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.968.743.522 | 2.502.769.783 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.968.743.522 | 2.502.769.783 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 60.000.000 | 59.438.681 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 66 | 42 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|--|-------------------|---|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 59.438.681 | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 19 tháng 08 năm 2016 | - | 59.438.681 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông do điều chỉnh vốn góp của SAMCO vào ngày 01 tháng 01 năm 2017 | 561.319 | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 60.000.000 | 59.438.681 |

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|----------------------------------|------------------------|---|
| | VND | VND |
| Giá vốn bán hàng hóa | 79.752.126.758 | 26.602.159.748 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 87.368.557.063 | 43.794.378.721 |
| Chi phí nhân công | 158.248.572.217 | 52.773.763.696 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 75.741.077.031 | 27.353.023.398 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 105.608.109.853 | 48.329.471.538 |
| Chi phí bằng tiền khác | 50.906.736.474 | 7.411.225.159 |
| | 557.625.179.396 | 206.264.022.260 |

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1 Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|---|----------------------|---|
| | VND | VND |
| Ghi nhận tăng vốn của SAMCO tăng phải thu | 5.613.191.770 | - |
| Chuyển nợ phải trả thành vốn chủ sở hữu | - | 451.014.294.619 |
| | 5.613.191.770 | 451.014.294.619 |



7.2 Tiền thu từ đi vay

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|---|-----------------------|---|
| | VND | VND |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 51.737.636.363 | 201.885.364.063 |
| | 51.737.636.363 | 201.885.364.063 |

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|--|-----------------------|---|
| | VND | VND |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 37.641.161.452 | 85.101.062.357 |
| | 37.641.161.452 | 85.101.062.357 |

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro chỉ trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại giữa niên độ tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 đến 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2017 | | | |
| Phải trả người bán | 122.300.546.046 | 9.301.500.000 | 131.602.046.046 |
| Chi phí phải trả | 922.035.797 | - | 922.035.797 |
| Các khoản phải trả khác | 828.514.639 | 788.044.940 | 1.616.559.579 |
| Các khoản vay và nợ | 40.421.153.452 | 151.556.227.277 | 191.977.380.729 |
| | 164.472.249.934 | 152.344.272.217 | 326.118.022.151 |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2017 | | | |
| Phải trả người bán | 35.584.786.801 | - | 35.584.786.801 |
| Các khoản chi phí phải trả | 139.445.142 | - | 139.445.142 |
| Các khoản phải trả khác | 836.540.715 | 2.416.658.000 | 3.253.199.715 |
| Các khoản vay và nợ | 37.641.161.452 | 140.239.744.366 | 177.880.905.818 |
| | 74.201.934.110 | 142.656.402.366 | 216.858.336.476 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản gắn liền với đất vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.2 và 5.9).

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2017 và 01/01/2017 (Thuyết minh số 5.18.2).

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý (*) | |
|--|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | Ngày 31 tháng 12 năm 2017 | Ngày 01 tháng 01 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2017 | Ngày 01 tháng 01 năm 2017 |
| | ĐVT: VND | | | |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Các khoản phải thu | | | | |
| Phải thu khách hàng | 55.904.229.858 | 32.037.414.849 | 55.525.419.458 | 32.037.414.849 |
| Phải thu khác | 63.415.672.302 | 49.262.909.143 | 63.415.672.302 | 49.262.909.143 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 59.704.311.729 | 84.258.389.830 | 59.704.311.729 | 84.258.389.830 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 37.018.804.000 | - | 37.018.804.000 | - |
| | 216.043.017.889 | 84.258.389.830 | 215.664.207.489 | 84.258.389.830 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ | | | | |
| Phải trả người bán | 131.602.046.046 | 35.584.786.801 | 131.602.046.046 | 35.584.786.801 |
| Chi phí phải trả | 922.035.797 | 139.445.142 | 922.035.797 | 139.445.142 |
| Các khoản phải trả khác | 1.616.559.579 | 3.253.198.715 | 1.616.559.579 | 3.253.198.715 |
| Các khoản vay và nợ | 191.977.380.729 | 177.880.905.818 | 191.977.380.729 | 177.880.905.818 |
| | 326.118.022.151 | 216.858.336.476 | 326.118.022.151 | 216.858.336.476 |

(*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trong yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phải sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc năm kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|--------------------------------------|----------------------|--|
| | VND | VND |
| Tiền lương, thù lao và thu nhập khác | 3.384.000.000 | 1.246.257.000 |
| | 3.384.000.000 | 1.246.257.000 |

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm 2017 | Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 |
|----------------------------|-----------------------|----------------|--|
| | | VND | VND |
| Tổng Công ty Cơ khí | Mua hàng hóa, dịch vụ | 80.082.933.519 | 174.273.918 |
| Giao thông Vận tải Sài Gòn | Cung cấp dịch vụ | 5.395.900.000 | 1.797.332.000 |
| TNHH MTV (SAMCO) | Góp vốn | 5.613.191.770 | - |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo thị trường.



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác

| Bên liên quan | Nội dung | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|---|-------------------|-------------------|
| Tổng công ty Cơ Khí Giao thông Vận tải Sài Gòn –TNHH MTV (SAMCO) | Phải thu thương mại (Xem Thuyết minh 5.3) | 106.350.000 | 664.680.000 |
| | Phải trả thương mại (Xem Thuyết minh 5.12) | (2.920.000.000) | (160.919.707) |

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

9.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực dịch vụ, thương mại tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Người lập



PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng



ĐOÀN MINH TÂM
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018









BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

SaigonBus[®]

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2018
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐOÀN MINH TÂM